

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

390.095 977 5

ĐC

Đ 455 N

ĐỒNG NAI-NAM BỘ *với*
văn hóa
phương Đông



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI-NAM BỘ *với*
văn hóa
phương Đông

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

ĐỒNG NAI-NAM BỘ *với*
văn hóa
phương Đông

2015/ĐC/ W 000918

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Văn hóa Đồng Nai có từ rất sớm, là một trong ba nền văn hóa lớn thời tiền sử ở Việt Nam (bên cạnh văn hóa Đông Sơn và văn hóa Sa Huỳnh). Văn hóa cư dân bản địa Đồng Nai mang những đặc trưng của văn hóa gốc nông nghiệp Đông Nam Á.

Trong một thời gian dài, tên gọi “Đồng Nai” được dùng như một địa danh chỉ chung toàn bộ khu vực Nam bộ. Từ “Đồng Nai” trong những câu ca dao, như: “Đồng Nai xứ sở lạ lùng / Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um”; “Đồng Nai gạo trắng nước trong / Ai đi đến đó thời không muốn về” đều dùng để chỉ chung cả miền Nam bộ, chứ không phải riêng tỉnh Đồng Nai theo nghĩa hẹp bây giờ. Chính là theo nghĩa chỉ toàn Nam bộ mà “Đồng Nai” được đặt trong thế đối lập với vùng kinh đô Huế: “Làm trai cho đáng nên trai / Phú Xuân cũng trai, Đồng Nai cũng tường”; “Bao giờ cạn nước Đồng Nai / Nát chùa Thiên Mụ mới sai lời nguyên”; “Rồng châu ngoài Huế / Ngựa té Đồng Nai / Nước sông trong lộn nước sông ngoài / Thương người xa xứ lạc loài tới đây”...

Trong hơn ba thế kỷ qua, người Việt cùng với cư dân bản địa xứ Đồng Nai đã tạo nên những tính cách văn hóa

đặc trưng cho đất và người Nam bộ nói chung, vùng Đông Nam bộ nói riêng. Bên cạnh đó, cộng đồng cư dân Đồng Nai còn tiếp thu các nền văn minh lớn ở phương Đông, như: Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á để tạo nên những sắc thái riêng và đồng thời làm giàu cho vốn văn hóa ở vùng đất mới phía nam của Tổ quốc.

Cuốn sách *Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông* của ThS. Văn hóa học Nguyễn Thị Nguyệt, là tập hợp những bài viết khảo cứu về văn hóa Đồng Nai xét từ góc độ văn hóa tộc người, văn hóa vùng, văn hóa dân gian, trong quan hệ với văn hóa Việt Nam và văn hóa phương Đông. Là người đã nhiều năm làm việc tại Bảo tàng Đồng Nai, Nguyễn Thị Nguyệt đã có điều kiện đi nhiều, tìm hiểu và suy nghĩ về các khía cạnh và những vấn đề của văn hóa Đồng Nai. Nhờ thế, cuốn sách cung cấp cho ta những phác thảo về diện mạo văn hóa của cư dân Đồng Nai - Nam bộ trong sự tương đồng và giao lưu với các quốc gia trong khu vực từ nhiều thế kỷ nay. Nội dung sách được chia thành bốn chương gồm: *Tản mạn về văn hóa Đồng Nai*; *Sắc màu văn hóa Nam bộ*; *Một thoáng văn hóa Việt Nam*; *Đồng Nai với văn hóa phương Đông*.

Một số bài viết đã được tác giả công bố trong các hội thảo khoa học, như: Hội thảo quốc tế Việt Nam học, Hội thảo toàn quốc về Cơ sở khoa học cho phát triển vùng, Hội thảo toàn quốc về Văn hóa du lịch, Hội thảo Khoa học xã hội vùng Tây Nam bộ, Hội thảo quốc tế về Hợp tác

Indonesia, Hội thảo quốc tế Tín ngưỡng thờ Nữ thần (Mẫu) ở châu Á...

Cuốn sách là một nguồn tư liệu quý đáp ứng phần nào cho những ai quan tâm đến văn hóa địa phương, văn hóa vùng trong mối quan hệ với văn hóa Việt Nam và văn hóa phương Đông trong quá trình tìm hiểu về cội nguồn văn hóa dân tộc.

Cuốn sách ***Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông*** của Nguyễn Thị Nguyệt được tỉnh Đồng Nai tài trợ xuất bản là nguồn động viên lớn đối với tác giả, người con của xứ Đồng Nai luôn nặng lòng với văn hóa, đặc biệt say mê dòng mạch văn hóa dân gian ở quê hương mình.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2012

GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương,
Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh,
GD TT Văn hóa học Lý luận và Ứng dụng

CHƯƠNG I
TẢN MẠN VĂN HÓA
ĐỒNG NAI

THÀNH TỰU VĂN HÓA CỔ ĐỒNG NAI

Đồng Nai từng là nơi xuất sinh ra nền văn hóa, văn minh thời tiền sử. Văn hóa Đồng Nai thời tiền sử trải dài từ cực Nam Trung bộ cho tới đồng bằng sông Cửu Long (được hiểu là Nam bộ ngày nay). Những cổ vật là đồ đá, đồ gốm đã có mặt ở Đồng Nai từ rất sớm. Công cụ đá cũ tìm thấy ở Thống Nhất (Đồng Nai) có niên đại hàng vạn năm và rất nhiều hiện vật là đồ gốm có mặt ở khắp các di chỉ khảo cổ học trên địa bàn Đồng Nai.

Không chỉ đồ đá mà nền văn hóa cổ Đồng Nai còn phong phú với những di vật đủ chất liệu, như: đá, đồng, gỗ, gốm... là biểu hiện của những thành tựu về sinh hoạt sản xuất, trang sức, nhạc cụ, nhà ở và kiểu thức mộ táng hết sức tiêu biểu và độc đáo.

1. Văn hóa đồ đá

- Công cụ sản xuất: người tiền sử Đồng Nai đã biết tận dụng nguyên liệu tại chỗ, bằng bàn tay và khối óc của mình để chế tác nên những mảnh tước, lưỡi rìu đá, cuốc đá, bôn đá... Hiện vật có hình dạng và kích thước khá đa dạng: rìu vai thẳng, rìu vai xuôi, rìu tứ giác, rìu lưỡi đẹp hai mặt, lưỡi vát một mặt... Hàng vạn sản phẩm rìu đá có mặt trên nhiều di chỉ khảo cổ học ở Đồng Nai đã được

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

phát hiện và khai quật, như: Cầu Sắt, Suối Linh, Cái Vạn, Bình Đa, Suối Chồn...

Những di chỉ được phát hiện có những đồ đá và gốm như di chỉ xưởng Suối Linh (Vĩnh Cửu) niên đại 4.500 - 2.500 năm không chỉ có sản phẩm hoàn chỉnh mà còn rất nhiều những sản phẩm đang được chế tác dang dở. Những mảnh tước công cụ đá, rìu đá dạng thô, đá ghè đẽo định hình, phác vật mảnh vòng, đục, bàn mài, mảnh gốm bể... với hàng ngàn mảnh (trong đó có 3.000 mảnh tước đá, 15.780 mảnh vỡ đồ đựng gốm, 397 mảnh vỡ bàn xoa gốm) càng khẳng định đây là một trong những xưởng chế tác công cụ và là dấu tích cổ của quá trình lao động sáng tạo đầy tự hào của cư dân cổ Đồng Nai.

- Trang sức: ngoài công cụ sản xuất, người cổ Đồng Nai còn khéo léo làm nên những sản phẩm trang sức bằng đá rất đẹp nhiều màu sắc. Những loại trang sức cổ được tìm thấy, như: vòng đá, chuỗi đá, khuyên tai, khuôn đúc vòng... Đồ trang sức Suối Chồn (niên đại khoảng 2.500 - 2.400 năm) là một trong những sản phẩm đá đặc biệt gợi nên nhiều suy đoán về phong tục tập quán và trang phục của các cư dân Đồng Nai cổ xưa. Những khuyên tai ba mút, khuyên tai hai đầu thú, hột chuỗi, vòng đá, khuôn đúc vòng đá... thể hiện được tư duy và trình độ sáng tạo cũng như nhu cầu thẩm mỹ của các dân tộc Đồng Nai... Sự tinh vi và khéo léo với những loại đá quý hết sức độc đáo, nhiều màu sắc như trắng, xanh đá, đỏ, nâu, vàng,

đen... cho thấy người cổ Đồng Nai đã có ý thức về thẩm mỹ rất tuyệt vời.

- Nhạc cụ: đàn đá là một những loại nhạc cụ cổ độc đáo tiêu biểu được phát hiện tại di chỉ khảo cổ duy nhất ở Đồng Nai vào thế kỷ XX. Người cổ Đồng Nai cũng là một trong những cư dân biết thưởng thức âm nhạc ở trình độ nhất định. Di chỉ Bình Đa (thành phố Biên Hòa) được khai quật vào tháng 12 năm 1979 là bằng chứng hùng hồn cho khả năng sáng tạo và sử dụng nhạc cụ truyền thống lúc bấy giờ: đàn đá (lithophone). Đàn đá Bình Đa được phát hiện gồm có 47 thanh đá rời hình chữ nhật hơi thanh mảnh (trong đó có 2 thanh còn nguyên, 2 thanh bể đôi và số còn lại ước tính của 8 thanh khác). Ngoài những thanh đàn đá còn có các loại rìu đá, đục đá, hạch đá, bàn mài, vòng trang sức, lõi vòng và phác vật vòng. Kỹ thuật ghè đẽo tạo nên độ dày mỏng khác đã tạo nên âm thanh vang ra khi gõ vào các thanh đá này... Niên đại của chúng là 3.180 ± 50 năm cách ngày nay. Đây cũng được xem là một trong những loại nhạc cụ cổ của cư dân Đồng Nai - Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung vào khoảng 1.230 năm trước công nguyên.

- Tượng thờ: một sưu tập tượng thờ của văn hóa Óc Eo (thế kỷ II - XIII) được chế tác bằng đá với những tượng thần Vishnu, tượng nam thần, Linga - Yoni... cho thấy thành tựu về điêu khắc của cư dân Đồng Nai cổ xưa. Đời sống tâm linh với tín ngưỡng tôn giáo ảnh hưởng

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

bởi Ấn Độ giáo và Phật giáo đã tạo nên những tác phẩm điêu khắc bằng đá rất tuyệt vời. Sau Công nguyên, vùng đất Đồng Nai là nơi cư trú của các cư dân thuộc nền văn hóa Óc Eo có sự kế thừa của nền văn hóa Đồng Nai thời tiền sử. Những cư dân Đồng Nai thời sơ sử đã biết chế tác những tượng thờ bằng đá thành những tác phẩm nghệ thuật độc đáo có ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các quốc gia cổ Đông Nam Á.

2. Văn hóa đồ đồng

Đồ đồng của văn hóa Đồng Nai rất phong phú với các loại công cụ sản xuất, như: lưỡi rìu, lưỡi câu, lưỡi qua, mũi giáo, tù và... Đặc biệt là tượng điêu khắc (gồm vật linh và tượng thần).

- Công cụ sản xuất bằng đồng với các loại lưỡi rìu, lưỡi câu. Đây là những công cụ sản xuất phục vụ cho nông nghiệp và đánh bắt cá trên sông. Môi trường tự nhiên thuận lợi cho người cổ Đồng Nai sử dụng những lưỡi rìu cho việc chặt cây, đào đất trong sản xuất nông nghiệp (trồng cây, trồng lúa). Trên sông nước, người tiền sử dùng lưỡi câu để đánh bắt cá trong hoạt động ngư nghiệp, tìm kiếm nguồn thực phẩm chế biến trong cơ cấu bữa ăn. Không giống như các loại rìu bằng đá, những rìu đồng có lưỡi cong rất cân đối và đẹp được tìm thấy ở La Ngà cho thấy trình độ chế tác đồ đồng của người xưa đã khá nhuần nhuyễn, thể hiện công cụ có tính năng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

- Vũ khí: lưỡi qua và mũi giáo. Năm 1982, quần chúng tình cờ phát hiện ra hơn 30 lưỡi qua đồng tại sườn đồi 57, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ. Những sưu tập “qua” phát hiện có hình dáng rất đẹp, kích thước khá đa dạng: từ chiếc nhỏ, ngắn cho tới chiếc lớn dài. Đặc biệt hoa văn trên “Qua đồng Long Giao” lại là thành tựu rất lớn về kỹ thuật đúc và trang trí mỹ thuật có ảnh hưởng của mỹ thuật Đông Sơn (đặc biệt giống hoa văn trên trống và thạp đồng). Hầu hết sưu tập “qua đồng” đều có trang trí hoa văn phổ biến, như: vòng tròn đơn hay xoắn ốc, đường kỷ hà gấp khúc tạo hình tam giác - răng cưa, các vạch ngắn song song như nan chiếu, các chấm dải... Niên đại của qua đồng Long Giao được định vào nửa sau thiên niên kỷ I TCN (thuộc thời kỳ đồ sắt).

Những năm gần đây (từ năm 2000 - 2006), quần chúng tại một số nơi của huyện Định Quán (xã Phú Túc, xã La Ngà) lại tiếp tục phát hiện được những lưỡi rìu đồng và cả qua đồng rất lạ, đa dạng nằm dưới lớp đất sâu. Đặc biệt, có vài lưỡi qua có hình dáng lưỡi thẳng nhọn, tiếp giáp giữa lưỡi và đốc gần như vuông góc không cong tròn như những “qua” trước, lưỡi có đường gờ nổi chạy dọc hai bên thân tạo vè dày, chắc chắn, trang trí hoa văn xoắn ốc và những hình động vật giống như chim hạc (3 con vật nối đuôi nhau có đầu, mình, hai chân cao, đuôi dài, mỏ dài, trên đầu có mào nhọn) rất khác lạ, gợi nhớ đến hình ảnh chim lạc quen thuộc trên trống đồng Đông Sơn của người Việt cổ.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Việc phát hiện ra những lưỡi rìu và những lưỡi qua đồng ở Đồng Nai càng cho thấy chủ nhân chế tác và sử dụng có thể là những cư dân bản địa ở vùng đất này, có trình độ thẩm mỹ và khả năng sử dụng khá nhuần nhuyễn trong quá trình đấu tranh sinh tồn từ hàng ngàn năm trước. Những sưu tập qua Long Giao có kích thước và trọng lượng lớn nhất châu Á đã được các nhà khảo cổ học xem là “hiện tượng khảo cổ học thuộc về thời kỳ mà đồ sắt đã phổ biến, thay thế vai trò của công cụ - vũ khí đồng thau trong đời sống của người cổ”⁽¹⁾. Qua (“Ko”) là loại vũ khí của các dân tộc trên thế giới thời kỳ tiền sử, được coi là “đặc sản về nghi trượng hay quyền trượng” của văn minh Trung Hoa. Tuy nhiên, ở đất Đồng Nai - Việt Nam thì “qua” đã được bản địa hóa trở thành sản phẩm văn hóa của riêng cư dân Đồng Nai về số lượng và kiểu thức trang trí.

Ngoài “qua”, Đồng Nai còn tìm thấy nhiều lưỡi giáo bằng đồng. Những mũi giáo đồng tượng trưng cho vũ khí của người cổ Đồng Nai sử dụng trong sinh hoạt sản xuất, săn bắt thú rừng, trong nghi lễ hiến sinh và đặc biệt là vũ khí của các chiến binh để chống lại kẻ thù. Ngày nay, các dân tộc bản địa như Mạ, S'tiêng, Cờho vẫn dùng những mũi giáo để đâm trâu, heo làm lễ hiến sinh trong lễ cúng Lúa mới của các dân tộc.

1 Phạm Đức Mạnh, *Thông tin Khoa học Bảo tàng Đồng Nai*, tháng 11 - 2006, tr.19.

- Nhạc cụ: tù và bằng đồng. Năm 2006, một đợt khai quật mở rộng khu vực mộ cự thạch Hàng Gòn. Di vật tìm thấy ngoài những tấm đan và trụ đá chế tác dang dở, mảnh vỡ đồ gốm, bàn mài đá có lỗ, còn có hai di vật rất đặc biệt quan trọng chưa từng thấy ở nơi nào, đó là hai chiếc tù và bằng đồng. Hai chiếc tù và bằng đồng mỏng, kích thước từ 20 - 30cm (tương ứng với sừng trâu trưởng thành). Mạo dù dấu vết hoa văn đã bị mờ nét không còn nguyên vẹn, nhưng có thể thấy một vài kiểu thức hoa văn chấm dải và hình vạch thẳng, tam giác trang trí ở đầu thoi của tù và. Niên đại của di vật qua mẫu than phân tích khoảng từ thế kỷ II trước Công nguyên - thế kỷ III sau Công nguyên (150 năm TCN - 240 năm SCN). Di vật tù và gần với mộ cự thạch cho thấy khả năng suy đoán về chủ nhân của ngôi mộ từng là thủ lĩnh của các chiến binh, còn “tù và” và “qua” là vũ khí sử dụng của cộng đồng thợ binh nghiệp này.

- Tượng thờ: những tượng thờ bằng đồng được tìm thấy ở Đồng Nai gồm các tượng thần Ganesha, nữ thần Uma, tượng tê tê (trút). Thần Ganesha với hình mình người đầu voi hiện thân của thần Shiva trong Ấn Độ giáo. Ganesha là một trong những vị thần được biết đến nhiều nhất trong Ấn Độ giáo. Thần có nhiều tài năng, dập tắt mọi trở ngại khó khăn, có quyền ban mọi điều tốt lành, thần bảo vệ bếp lửa, thần là hiện thân của sự thông minh và trí tuệ của thần Shiva. Còn tượng nữ thần Uma thường được tạo hình là một phụ nữ mặc áo choàng dài

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

tới bàn chân đứng trên bệ có hình đầu trâu. Thần Uma (ánh sáng đẹp), một trong những cái tên của thần Devi. Uma là hiện thân những đỉnh cao nhất của thực thể, sức mạnh cao nhất của Brahman (thần tối cao trong Ấn Độ giáo). Ý nghĩa về sự phồn thực liên quan đến sự sinh sôi nảy nở và phát triển của con người và tự nhiên, phổ biến trong những cư dân nông nghiệp thời cổ xưa.

Sản phẩm đồ đồng của người cổ Đồng Nai còn có cả tượng linh vật độc đáo đó là tượng con trút còn gọi là con tê tê (*manis javanica*) bằng đồng cũng tìm thấy ở di chỉ đồi 57 - Long Giao. Tê tê là loài động vật có vú thuộc bộ tê tê (*Pholidota*). Thân tê tê có vảy lớn và cứng. Chúng là loài hoang dã hút kiến sinh sống ở miền nhiệt đới châu Á và châu Phi. Phần lớn các loại tê tê sinh hoạt vào ban đêm, dùng khứu giác rất thính để tìm côn trùng. Ban ngày thì cuộn tròn như quả banh để ngủ. Chiều dài tê tê đo được từ 30 - 100cm, con cái thường nhỏ hơn con đực. Chúng làm ổ trong những hốc cây rỗng hay đào hang sâu dưới đất. Miền Trung và Nam bộ gọi tê tê là con trút, các dân tộc ở Tây Nguyên gọi là Prên pui. Đây cũng là vật linh độc đáo trong bộ đồ đồng thời tiền sử tìm thấy ở Việt Nam cũng như Đông Nam Á. Tượng trút đồng thể hiện kỹ thuật đúc tượng vật khá chuẩn xác về hình thức cũng như kích thước từ mẫu thật của người xưa. Đầu, lỗ tai, mắt, mỏ, đến từng lớp vảy của động vật được điêu khắc khéo léo, sắc sảo, tỉ mỉ như thật. Trọng lượng đồng khoảng 2kg. Nghệ thuật tả thực trên tượng

2015/ĐC/ W

000918

“con trút” sắc sảo hơn cả tượng “Chó săn mồi” ở Đốc Chùa (Bình Dương) và vượt xa các tượng cóc, voi trên trống đồng Đông Sơn. Khả năng “trút” đồng là một trong những loại vật linh sử dụng trong nghi lễ và tín ngưỡng (Tô tem giáo) của người cổ Đồng Nai.

3. Văn hóa đồ gốm

Đồ gốm là một trong những thành tựu lâu đời có mặt khá sớm với tiến trình phát triển loài người. Những loại hình gốm, như: mảnh vỡ hũ, bình, chum, nồi, chân vò, bát bông, mâm bông, bàn xoa gốm, gốm sừng bò (chân cà ràng)... phục vụ cho đời sống như để đựng, nấu ăn, chôn người chết. Những mộ chum gốm ở di chỉ Phú Hòa, Long Khánh là những di chỉ khảo cổ học về công dụng của sản phẩm gốm và phong tục mai táng của người xưa. Người cổ Đồng Nai biết làm gốm từ rất sớm và sản phẩm gốm cũng hết sức đa dạng: dùng trong sinh hoạt gia đình, sản xuất, thờ cúng và chôn cất.

Hoa văn trên đồ gốm với những mô típ, như: vạch, thùng, chải, miết, chấm dải, vạch hình học, sóng nước, mép hình vò sò... thể hiện về trình độ tư duy trong sáng tạo, biết vận dụng những đồ vật thật để mô tả trang trí; mặt khác thể hiện khả năng thực tế hóa miêu tả sinh hoạt đời sống vào trang trí nghệ thuật. “Văn sóng nước, văn mép vò sò...” cho ta cảm nhận về môi trường sinh sống gắn bó với văn minh sông nước, lệ thuộc vào tự nhiên của cư dân cổ xưa.

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

4. Văn hóa đồ gỗ

Những công cụ được sử dụng ngoài các chất liệu đá, gốm, đồng còn có di vật bằng gỗ, như: dao bằng gỗ, lưỡi mai, thuồng gỗ (di vật bản đẹp lớn hình chữ nhật hoặc bầu có lưỡi tròn, hai vai ngang, cán ngắn). Tất cả những vật dụng mộc này đều được làm từ những loại gỗ tốt chắc, bền như cây gõ, sao, cẩm xe phổ biến ở rừng miền Đông Nam bộ. Đây có thể là những công cụ mà người cổ dùng để chém cá hay đào bắt cua, chèo chèo, nhuyển thề... có sẵn trong vùng.

5. Văn hóa kiến trúc cổ

- Nhà ở: Những cuộc khai quật ở các di chỉ Cái Vạn, Rạch Lá, Cái Lăng gần đây cho thấy thành tựu của người cổ Đồng Nai rất độc đáo. Không chỉ biết làm gốm, ghè dẻo đá, chế tác đồ trang sức hay đúc đồng mà cư dân cổ Đồng Nai còn có nhiều sáng tạo khi sống ở vùng ngập mặn sinh lầy. Người cổ Đồng Nai biết làm nhà sàn bằng gỗ trên vùng ngập nước quanh năm. Những dấu vết qua khai quật là những chiếc cọc gỗ chôn sâu dưới đất sinh qua lớp sinh thổ cạnh sông suối có đường kính từ 15 - 30cm, đầu vát nhọn có ngàm, bố trí song song thẳng hàng, xung quanh còn có nhiều thanh ván mỏng được bào chuốt cẩn thận đã chứng minh điều đó.

Những dấu vết về cọc gỗ có ngàm, cho thấy người cổ Đồng Nai ở vùng ngập mặn cận biển đã biết dùng những loại cây gỗ tốt làm vật liệu để dựng nhà sàn cư trú, đây

cũng là kiến trúc còn khá phổ biến của các dân tộc bản địa ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Nhà sàn dựng trên vùng sinh lầy vừa thích nghi được với môi trường sông nước, vừa có chức năng tránh được thú dữ có thể làm hại đến con người.

- Mộ táng: Di tích lịch sử hiện tồn về một nền văn minh rực rỡ của cư dân Đồng Nai Nam bộ về mặt phân chia đẳng cấp trong xã hội với tổ chức cộng đồng khá chặt chẽ qua vết tích về mộ táng. Di tích mộ táng bằng đá kiểu Dolmen ở Hàng Gòn, Long Khánh là một trong những loại hình mộ táng cự thạch vào loại hiếm thấy ở Đông Nam Á. Từ việc tình cờ phát hiện vào năm 1927 của các nhà địa chất Pháp và được xếp hạng là Cổ tích ở Nam kỳ năm 1930... cho đến những cuộc khai quật và nghiên cứu gần đây (1982, 1991, 1996, 2006) của cơ quan chuyên môn cho thấy đây là di tích khá đặc biệt.

Mộ cổ Hàng Gòn có diện tích khá lớn, kết cấu bằng đá sa thạch và đá hoa cương. Hầm mộ có kết cấu hình hộp chữ nhật được lắp ghép bằng 6 phiến đá lớn (cự thạch) làm từ đá hoa cương; kích thước 4,2m x 2,7m x 0,25m; hầm mộ cao 1,6m. Tất cả 6 phiến đá đều có rãnh lõm làm gờ để lắp ghép cố định với nhau. Xung quanh hầm mộ nằm ngồn ngang 10 cột trụ lớn; trong đó có 8 trụ bằng đá sa thạch cao 2,5 - 3m, tiết diện cắt ngang là hình bầu dục với một đầu lớn và một đầu nhỏ, đầu lớn khoét lõm hình yên ngựa; 02 trụ lớn hơn bằng đá hoa cương có kích thước là 7,2m x 1,1m x 0,35m, trụ phình ra ở chân, đầu

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

khoét lõm yên ngựa. Theo suy đoán của các nhà nghiên cứu thì đó là những trụ cột dựng lên làm mái che cho mộ. Đây là loại đá hoa cương chỉ có ở vùng Đà Lạt - Lâm Đồng.

Di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn khá lớn có khả năng là mộ chung hoặc có thể là nơi chôn cất của vị thủ lĩnh tộc người có vị trí quan trọng ở vùng đất này khoảng trên dưới 2.000 năm trước đây. Cuộc khai quật gần đây nhất đã làm phác lộ ra những tấm đan đá lớn (có kích thước tương ứng với các tấm đan làm hầm mộ cổ) cùng những trụ đá chế tác dở dang (dạng phế phẩm) càng khẳng định rằng người ta đã vận chuyển đá từ nơi khác về Hàng Gòn, rồi chọn địa điểm gần với vị trí xây dựng mộ táng lập công xưởng chế tác nguyên liệu đá để dựng mộ.

6. Phác thảo về đời sống cư dân cổ Đồng Nai

Di chỉ Gò Me (xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch) được khai quật năm 2004 với hai bộ di cốt người cổ đã cho thấy một khả năng về nhân chủng của người cổ Đồng Nai thuộc loại người cổ Đông Sơn (tức Nam Mongoloid). Đây là cư dân cổ vùng ngập mặn rất gần gũi với người cổ Giồng Phệt và Giồng Cá Vồ (huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh). Hai bộ di cốt người cổ được phát hiện kèm theo một số đồ tùy táng như rìu đồng, vòng tay đồng, hạt chuỗi... cho thấy quá trình phát triển dân cư, vị trí cư trú và tục chôn người chết của cộng đồng người cổ Đồng Nai cách nay khoảng 3.000 - 2.500 năm.

Môi trường, điều kiện tự nhiên là những yếu tố để người cổ Đồng Nai biết dựa vào đó để mưu sinh cuộc sống. Con người sống gắn bó với tự nhiên, khai thác tự nhiên để sinh tồn. Trong môi trường xã hội, con người càng gắn bó, đoàn kết và trước nhu cầu tồn tại của cuộc sống, họ biết sáng tạo, tư duy làm cho cuộc sống ngày càng tiến bộ, phát triển.

Để đi lại trên sông nước, người tiền sử Đồng Nai biết dùng ghe thuyền làm phương tiện để di chuyển và săn bắt cá, động vật thủy sản... Những con suốt hình thoi, dọi se chỉ bằng đất nung, bi gốm hay chài lưới bằng gốm... là những hiện vật chế tác để dệt vải, đan lưới sử dụng trong hoạt động ngư nghiệp của cư dân vùng sông nước thời bấy giờ.

Cư dân cổ Đồng Nai là cư dân nông nghiệp nhưng có trình độ tư duy khá cao về âm nhạc, biết chế tác đá làm nhạc cụ gỗ phục vụ trong nghi lễ và trong sinh hoạt cộng đồng; biết đúc tù và bằng đồng để làm nhạc khí cho thủ lĩnh chỉ huy chiến binh. Và họ cũng là cư dân có trình độ thẩm mỹ khá cao khi biết chế tác đồ trang sức bằng đá để trang trí cho bản thân mình. Người cổ Đồng Nai còn là cư dân thoáng mở có sự giao lưu văn hóa với các dân tộc khác như hiện tượng “Qua đồng Long Giao” (vốn là “đặc sản” của văn minh Trung Hoa nhưng được cư dân Đồng Nai bản địa hóa với văn minh Đông Sơn của người Việt cổ) hay việc vận chuyển nguyên liệu từ nơi khác về làm

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

vật dụng trong kiến trúc: mộ táng, nhà ở...

Những thành tựu văn hóa cổ Đồng Nai từ đồ đá cũ có niên đại hàng chục vạn năm đến những di vật thời sơ sử cách nay khoảng 2.000 năm trở về trước cho thấy cộng đồng cư dân Đồng Nai cư trú trải rộng từ vùng đồi núi thấp đến đồng bằng và cận biển. Kinh tế chủ yếu bằng nông nghiệp với hoạt động chủ yếu là săn bắt, hái lượm và trồng trọt. Có thể đây là cộng đồng người có tổ chức xã hội khá chặt chẽ với chế độ tù trưởng hay thủ lĩnh có hệ thống quản lý rõ rệt (mộ cổ cự thạch Hàng Gòn). Trang sức cầu kỳ, thể hiện trình độ thẩm mỹ và phong tục tập quán phong phú; tín ngưỡng nguyên thủy và Tô tem giáo... Dấu tích kho tàng di vật thời tiền sử Đồng Nai là cứ liệu quan trọng góp phần vào việc nghiên cứu tìm hiểu về đời sống văn hóa, năng động của người cổ Đồng Nai.

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN “QUA ĐỒNG”

Nghệ thuật cổ Đồng Nai rất đặc trưng, những di vật phát hiện với nhiều hoa văn trang trí tinh xảo, đẹp mắt thể hiện được tư duy, trình độ thẩm mỹ của người cổ Đồng Nai trong quá khứ. Văn minh thời kim khí là đỉnh cao của văn hóa Đồng Nai với kỹ thuật luyện kim rất tinh xảo so với các nơi khác trong khu vực lúc bấy giờ. Sản phẩm luyện kim của văn hóa Đồng Nai vô cùng phong phú, như: rìu, lưỡi giáo, móc câu, qua, tù và, tượng linh vật, trống đồng... Tuy nhiên, nổi trội hơn cả vẫn là nghệ thuật trang trí trên sản phẩm những chiếc “qua” đồng được tìm thấy ở Long Giao (Cẩm Mỹ) và La Ngà (Định Quán).

Năm 1982, quần chúng tình cờ phát hiện ra hơn 30 lưỡi qua đồng tại sườn đồi 57, ở xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ. Hơn hai mươi năm sau, quần chúng tại một số nơi của huyện Định Quán (xã Phú Túc, xã La Ngà) lại tiếp tục phát hiện được những lưỡi rìu đồng và cả qua đồng rất lạ, đa dạng nằm dưới lớp đất sâu.

Qua là loại vũ khí giáp chiến đánh xa thuộc hệ bạch khí trong lịch sử, còn được gọi là binh khí mũi nhọn, như: câu binh, chũng binh với tác dụng là bổ, chém và móc. Qua có mặt trên một vùng rộng lớn ở châu Á, từ Bắc Trường Giang, Nội Mông Cổ, Triều Tiên đến Hoa Nam, Việt Nam,

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Lào và Bắc Thái Lan... Các đặc điểm về hình thái và hoa văn trang trí tạo nên sắc thái từng địa phương nhờ vậy, chúng ta có thể phân biệt sản phẩm “qua” ở từng khu vực, vùng miền, quốc gia...

Các nhà khảo cổ học đã ghi nhận sự tồn tại của “ba nhóm qua” tiêu biểu ở hậu kỳ đồng - sắt sớm cùng với các sản phẩm đồng khác ở hai khu vực

- Khu vực Trung Nguyên: phân bố ở miền Bắc Việt Nam và miền Nam Trung Quốc.

- Khu vực văn hóa Đồng Nai: phân bố ở miền Nam Việt Nam (Cẩm Mỹ, Định Quán - Đồng Nai).

Ở Đồng Nai, qua được phát hiện trên một số khu vực thuộc huyện Long Khánh, Cẩm Mỹ và huyện Định Quán. Có thể phân chia bộ qua thành hai địa điểm như sau

1. Đặc điểm Qua Long Giao

Vùng đất Long Giao, tên gọi một xã thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Địa điểm phát hiện cách di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn hơn 4km và cách thị xã Long Khánh khoảng hơn 10km về phía đông nam. Long Giao nằm trong vùng cao nguyên đất đỏ dung nham có độ cao trung bình 100 - 200m so với mặt nước biển. Bề mặt lượn sóng kiểu địa mạo bán bình nguyên với những chóp núi lửa còn được bảo tồn khá tốt. Tại sườn đồi 57 gần chóp núi lửa, người dân đã phát hiện một sưu tập gồm nhiều lưỡi qua, một rìu đồng và một số mảnh gốm vụn ở độ sâu 0,2m. Bộ sưu tập qua được thu thập rải rác từ Long Giao cho tới huyện Châu

Thành với toàn bộ là 19 tiêu bản nguyên và 12 mảnh vỡ của các tiêu bản khác.

Những sưu tập “qua” được phát hiện có hình dáng rất đẹp, kích thước khá đa dạng: từ chiếc nhỏ, ngắn cho tới chiếc lớn dài. Đặc biệt hoa văn trên “Qua đồng Long Giao” lại là thành tựu rất lớn về kỹ thuật đúc và trang trí mỹ thuật có ảnh hưởng của mỹ thuật Đông Sơn (đặc biệt giống hoa văn trên trống và thạp đồng). Hầu hết sưu tập “qua đồng” đều có trang trí hoa văn phổ biến, như: vòng tròn đơn hay xoắn ốc, đường kỷ hà gấp khúc tạo hình tam giác - răng cưa, các vạch ngắn song song như nan chiếu, các chấm dài...

Qua Long Giao có kích thước lớn và nặng, chiều dài toàn bộ từ 30 đến 70cm, nặng từ 0,8 kg đến 2 kg, toàn bộ hai mặt được trang trí hoa văn hình học tinh xảo, đối xứng, giống hệt nhau. Hoa văn trang trí là các đường chữ S nối nhau hay đối xứng, hoa văn chấm, khắc vạch, hoa văn hình tam giác... Đặc biệt có qua trang trí núm tròn nổi với 12 tia hình tam giác ở chuôi. Có 21 qua được ra đời trên những khuôn đúc khác nhau tạo nên những sản phẩm “qua” cũng rất khác nhau về kích thước và trang trí.

Qua Long Giao với những đặc điểm có liên hệ nguồn gốc (về dáng lưỡi, kích thước và những yếu tố trang trí) với những nhóm qua tiền thân của nó ở Dốc Chùa và Bàu Hòe chính là sự thể hiện đầy đủ nhất những đặc trưng cơ bản của loại vũ khí này ở Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ. Kích thước và trọng lượng lớn, tỉ lệ giữa lưỡi so với

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

đốc và chuôi chênh lệch nhiều, lưỡi phát triển nhiều kiểu dáng trong khi đốc và chuôi khá ổn định. Mũi nhọn, không hề thấy loại mũi phẳng hay vát bằng.

Hoa văn trang trí là hoa văn hình học, bố trí dày đặc và tỉ mỉ trên đốc rồi phát triển lên mọi bộ phận của hiện vật.

Những đặc điểm trên đã thu tóm chúng thành một sưu tập hiện vật riêng biệt của văn hóa Đồng Nai, có thể gọi là “Qua đồng Đồng Nai” để phân biệt chúng với sản phẩm cùng loại của nền văn hóa khác. Niên đại của *qua* đồng Long Giao được định vào nửa sau thiên niên kỷ I trước Công nguyên (thuộc thời kỳ đồ sắt).

2. Đặc điểm Qua La Ngà

Từ năm 2000 - 2006, quần chúng tại một số nơi của huyện Định Quán (xã Phú Túc và xã La Ngà) liên tục phát hiện được những lưỡi rìu đồng và bốn qua đồng rất lạ, đa dạng nằm dưới lớp đất sâu. Năm 2006, người dân phát hiện bộ sưu tập công cụ bằng đồng gồm hai lưỡi rìu đồng và bốn qua đồng ở độ sâu khoảng 0,5m thuộc khu vực lòng hồ Trị An, xã La Ngà, huyện Định Quán. Sưu tập qua phát hiện gồm bốn chiếc: ba có lưỡi thẳng và một qua có lưỡi cong giống qua Long Giao.

Qua La Ngà có chất liệu đồng dày hơn qua đồng Long Giao trước đây. Mặc dù đã bị lớp patin ăn mòn ở bên ngoài nhưng nhìn chung vẫn còn rất chắc chắn và mịn mặt. Trên ba chiếc qua lưỡi thẳng có trang trí một số họa tiết hoa văn tương đối khác biệt so với các sưu tập qua đã phát hiện ở

Đồng Nai. Ở những qua có hình dáng lưỡi thẳng nhọn, tiếp giáp giữa lưỡi và đốc gần như vuông góc chứ không cong tròn. Đặc biệt, trên lưỡi qua thẳng có đường gờ nổi chạy dọc hai bên thân tạo vẻ dày, chắc chắn. Trang trí trên chuôi và đốc là hoa văn xoắn ốc và những hình động vật giống như chim hạc (ba con vật nối đuôi nhau có đầu, mình, hai chân cao, đuôi dài, mỏ dài, trên đầu có mào nhọn) rất khác lạ, gợi nhớ đến hình ảnh chim lạc quen thuộc trên trống đồng Đông Sơn của người Việt cổ.

Riêng chiếc qua mũi cong chất liệu mỏng và có bản lớn, hoa văn xoắn ốc giống qua Long Giao cũ. Đặc biệt hoa văn chấm dải và hoa văn xoắn ốc, hình học... hoàn toàn tương ứng với hoa văn trên hiện vật văn hóa Đông Sơn.

Nhìn chung, bốn qua có hình dáng khác nhau tạm chia thành 2 nhóm: nhóm 1 có bản lớn lưỡi cong nhọn (tương ứng qua Long Giao) và nhóm 2 có lưỡi thẳng bản hẹp (giống kiếm). Hoa văn trên qua nhóm 1 trang trí với hình xoắn ốc; nhóm 2 được trang trí mô típ hoa văn với kỹ thuật thể hiện bằng cách ấn chìm làm nổi những chấm dải nhỏ tròn nổi cách đều và răng cưa, đặc biệt trang trí hình động vật giống như chim rất khác lạ so với họa tiết trang trí trên những qua đồng tìm thấy ở Việt Nam. Nhóm 2 có hình dáng lưỡi thon dài và dày dặn như chuyển tiếp từ qua đến kiếm. Niên đại của sưu tập qua La Ngà bước đầu được giám định khoảng thiên niên kỷ thứ I trước Công nguyên.

3. Những kiểu thức trang trí trên qua đồng

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Qua khảo tả hai nhóm “qua đồng” phát hiện ở Đồng Nai, có thể tóm lược về những kiểu thức hoa văn trang trí trên các sản phẩm như sau

a. Khung hoa văn

Gồm có: hình bình hành; hình vuông hay hình chữ nhật; hình thang cân; hình bình hành, 3 góc có xoáy ốc như bánh xe; hình băng ca hay chữ H lệch; hình dốc qua và hình dốc - lưỡi qua.

b. Vành không chế

Gồm có: đường chỉ chìm hoặc nổi; hàng chấm nhỏ; hàng vạch ngắn song song thẳng hay xiên; đầu hai hàng vạch tạo hình giống cành cây; hàng vạch ngắn cắt nhau tạo hình thoi hay ô trám và dải tam giác giống hình răng cưa.

c. Hoa văn trong khung

Gồm có: đường gấp khúc như răng cưa; núm nổi tròn, các tam giác xung quanh như cánh sao; vòng tròn xoáy ốc. Riêng vòng tròn xoáy ốc biểu hiện ở 3 dạng (vòng xoáy ốc độc lập, vòng xoáy ốc phối hợp với đường gấp khúc tạo thành hình động vật và vòng xoáy ốc tiếp tuyến đơn hoặc kép. Vòng xoáy ốc tiếp tuyến đơn hoặc kép với các chiều tạo thành cặp hay thành dải với các dạng, như: giữa các vòng tròn để trơn; giữa các vòng tròn có chấm nhỏ; giữa các vòng tròn có tam giác cân; giữa các vòng tròn có tam giác cạnh cong lõm; giữa các vòng tròn có cả chấm nhỏ và tam giác cạnh cong lõm.

Ngoài ra, hoa văn trong khung còn được chú ý vào số

lượng vòng tròn xoáy ốc và số lượng tam giác nổi.

3.1. Hoa văn trang trí trên qua Long Giao

Tất cả các qua đều được trang trí trên toàn bộ hiện vật. Sự tập trung và đa dạng của hoa văn trên qua không chỉ là nét độc đáo của Long Giao với cội nguồn là qua Dốc Chùa mà còn là nét khác biệt với những sưu tập qua của Đông Sơn, Vân Nam hay An Dương (Trung Quốc)¹. Qua Long Giao không hề có hoa văn trang trí hình người (tả thực hoặc cách điệu), hình động vật (trâu, bò, mèo, sư tử) giống qua Trung Nguyên, hay hình cá sấu, hổ, voi, chim... sống động của qua Đông Sơn.

Trên toàn bộ qua Long Giao, hoa văn là các đồ án hình học giản đơn về thể loại song chính xác, đẹp và tỉ mỉ về chi tiết. Duy nhất chỉ có một hình voi và ếch trên qua Long Giao nhưng nó được cấu thành bởi những vòng tròn và những đường gấp khúc dung dị. Các đồ án trên qua Long Giao có bố cục đặc sắc và riêng biệt, được phân bố thành khung theo hình dạng của các bộ phận trên qua. Ở nhóm qua loại 1, những khung hoa văn này tạo hình bình hành ở chuôi, hình súng ngắn ở đốc trên lưỡi và ở đốc dưới là ba hình bình hành mà ba góc có xoáy ốc như bánh xe, hay hai hình như băng ca hoặc chữ H lệch. Sự phân bố của các khung hoa văn cơ bản thoáng và gọn. Khống chế khung hoa văn là những đường chỉ nổi, vành chấm nhỏ, vành những

¹ Phạm Đức Mạnh, *Qua đồng (Đồng Nai)*, tạp chí Khảo cổ học, số 01 - 1985, tr. 62.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

vạch ngắn song song hay cắt nhau tạo thành hình ô trám, hoặc dài tam giác xếp như răng cưa. Hoa văn chiếm chủ đạo trong khung là những vòng tròn với các chiều xoáy ốc đủ các quy mô và các đường tiếp tuyến đơn hay kép, chiều tiếp tuyến ngang hay dọc, tạo thành cặp hay thành dải cùng chiều hoặc đối xứng nhau. Giữa các vòng tròn để trơn, hay có một hoặc ba chấm nổi và phổ biến nhất là những hình tam giác có các cạnh cong lõm bố trí xen kẽ và đối xứng nhau, làm cho các khung hoa văn trở nên đầy đặn song tỉ mỉ và chính xác, không hề cắt phá nhau.

Hoa văn trên qua Long Giao độc đáo với những khung hình học chủ yếu, đây là cơ sở để suy đoán đến sự đồng nhất giữa trang trí trên qua Long Giao với hoa văn trên đồ đồng Đông Sơn như trên trống và thạp đồng. Đó là những vòng tròn xoáy ốc độc lập hay tiếp tuyến thành dải có trên các trống Đông Hiếu (Nghĩa Đàn, Nghệ An), Phú Phương (Ba Vì, Hà Nội)... Những hình tam giác độc lập hay xếp liền nhau như răng cưa của trống Đa Bút, Hoàng Hạ và các thạp Vạn Thắng, Đào Thịnh, Việt Khê, Làng Cả... Những vành không chế (giới hạn) gồm những vạch ngắn song song và chấm nổi như trống Miếu Môn, Sông Đà và nhiều đồ đồng khác... Độc đáo nhất là tiêu bản qua có trang trí hình động vật gồm hình voi (do các vòng xoáy ốc, vạch ngắn và những đường gấp khúc tạo thành). Ở phần đuôi voi còn được điểm thêm hình ếch khắc chìm hoàn toàn giống hình ếch in trên cán dao găm (hoặc kiếm ngắn) ở Đông Sơn, Làng Cả... Đây là tiêu bản in hình động vật duy nhất của

nhóm Long Giao. Đáng kể nữa là hoa văn hình mặt trời (hoặc những cánh sao) trên qua cũng là dạng văn chủ đạo và trang trọng nhất của trống đồng Đông Sơn.

3.2. Hoa văn trang trí trên qua La Ngà

Khác với sưu tập qua đồng Long Giao, hầu hết (3/4) qua La Ngà có hình dáng khác hẳn qua Long Giao về hình dáng và chất liệu (kim loại dày, màu phủ xám láng) với lưỡi nhỏ dài thẳng, góc tiếp giáp giữa lưỡi, chuôi và đốc gần như vuông góc, còn ở qua Long Giao là vòng cung. Trên sưu tập qua đồng La Ngà (gồm 4 chiếc) hầu hết đều có họa tiết trang trí rất khéo léo, độc đáo và sắc sảo. Có thể nhận xét chi tiết như sau

- Qua 1 (lưỡi thẳng): lưỡi qua tạo hình có đường sống nổi giữa và vát về hai bên. Hai bên mang tra cán có họa tiết ẩn chìm làm nổi hai đường chấm dài nhỏ tròn cách đều song song.

- Qua 2 (lưỡi thẳng): ở giữa nổi sống vát về hai bên. Họa văn đường chấm dài song song bố trí thành các dãy băng thẳng và vòng cung.

- Qua 3 (lưỡi thẳng): qua có dáng lưỡi thẳng thon đều, mũi nhọn, giữa nổi sống vát đều hai bên. Cánh qua có một cạnh thẳng, cạnh lưỡi thon đều về cuối, cạnh cuối chuôi tạo hình đuôi cá không đều, không có lỗ chốt. Xung quanh cánh qua trang trí hai đường chấm dài, góc bên lưỡi tạo hình xoắn ốc nhô ra ngoài, bên trong cũng bằng cách ẩn chìm làm nổi 7 dãy răng cưa xếp hàng từ ngoài vào trong.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Giữa cánh và mang ộp cán ẩn chìm làm nổi ba con vật giống như con cò hay con hạc đi ăn nổi đuôi nhau hướng về lưôi. Các con vật có đầu, mình, hai chân cao, đuôi dài, mỏ dài, đầu có chóp nhọn. Trên phần thân đến mang ộp cán được bao bọc ba cạnh bởi hai đường chấm dài, trừ cạnh ộp cán, bốn góc có bốn hình xoắn ốc nhô ra. Bên trong 7 hình răng cưa xếp hàng hướng về chuôi. Trên phần chuôi, trừ đoạn lắp cán cũng trang trí hai đường chấm dài, cạnh cuối theo hình mang cá tạo thành hai góc nhọn, giữa hình vòng cung lõm vào trong, cạnh phía tra cán chỉ có một đường chấm dài uốn lượn, nhưng mặt bên để trơn. Bên trong 16 hàng răng cưa thẳng hàng không đều nhau hướng về cuối chuôi. Hoa văn trang trí hai mặt đối xứng nhau, trừ cạnh gần cán của chuôi.

Họa tiết hình động vật trên qua này được xem là một trong những chi tiết mỹ thuật khá độc đáo trang trí trên qua đồng được tìm thấy ở Đồng Nai. Một giả thiết của các nhà nghiên cứu cho rằng đây có thể là hình dáng gần gũi với họa tiết chim lạc trên trống đồng Đông Sơn (?). Dù sao đây cũng có thể được xem là một trong những yếu tố mỹ thuật khá đa dạng và độc đáo trên qua đồng La Ngà. Những chi tiết mỹ thuật này chưa từng có trên các sưu tập qua đồng phát hiện ở Long Giao cũng như ở rải rác trên địa bàn Đồng Nai trước đó. Theo Tiến sĩ Nishimura trường Đại học Kansai (Nhật Bản) thì chiếc qua này khá giống với qua phát hiện ở Campuchia.

- Qua 4 (lưỡi cong): Lưỡi cũng có hình sống nổi giữa, vát về hai bên. Hoa văn trang trí hai bên đường sống giữa với hai đường chấm dài song song. Phần trống giữa chuôi, lưỡi và cánh ẩn chìm một vòng tròn lớn đường kính khoảng 5cm. không còn thấy rõ hoa văn. Xung quanh chuôi trang trí đường chấm dài, bên ngoài trang trí những vòng tròn xoắn ốc, hình vuông chìm có cạnh nổi... Hình dáng khá giống qua Long Giao.

Nhìn chung trên ba chiếc qua lưỡi thẳng có trang trí một số các họa tiết hoa văn tương đối giống hoa văn trên các sưu tập qua đã phát hiện ở Đồng Nai, duy chỉ có một qua có trang trí hình động vật khá khác lạ so với các hoa văn đã gặp. Chiếc qua mỏng bản lớn có hoa văn xoắn ốc giống qua Long Giao cũ. Đặc biệt hoa văn chấm dài và hoa văn xoắn ốc, hình học... hoàn toàn tương ứng với hoa văn trên hiện vật văn hóa Đông Sơn.

4. Kết luận

“Qua” là một loại vũ khí đặc biệt, tên gọi vũ khí này có nguồn gốc từ tiếng Hán. Hình vẽ những chiến binh cầm qua đã được thể hiện trên trống đồng Đông Sơn. Trên chậu đồng, bình đồng cổ ở một số địa phương của Trung Quốc cũng có cảnh người cầm qua cán dài đang tham gia trận chiến. Ngoài ra, qua cũng có thể là loại vũ khí biểu thị uy quyền, một loại quyền trượng hay nghi trượng của thủ lĩnh cộng đồng.

Những sưu tập qua Long Giao có kích thước và trọng

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

lượng lớn nhất châu Á đã được các nhà khảo cổ học xem là “hiện tượng khảo cổ học thuộc về thời kỳ mà đồ sắt đã phổ biến, thay thế vai trò của công cụ - vũ khí đồng thau trong đời sống của người cổ”⁽¹⁾. Riêng sưu tập qua La Ngà có hình dáng lạ, với lưỡi thẳng, chất liệu đồng dày nặng và lớp patin phủ mịn tạo màu xám đen, hoa văn trang trí tương đối độc đáo, cho thấy qua Đồng Nai với nghệ thuật trang trí đa dạng và phong phú. Các loại qua Đồng Nai thể hiện về tư duy thẩm mỹ khá cụ thể trên cơ sở yếu tố văn hóa bản địa. Sản phẩm qua ở Đồng Nai có thể được xem là kết quả của sự tiếp nhận và giao lưu tiếp biến văn hóa của cư dân cổ địa phương với các quốc gia thời tiền sử.

Qua (“Ko”) là loại vũ khí của các dân tộc trên thế giới thời kỳ tiền sử, được coi là “đặc sản về nghi trượng hay quyền trượng” của văn minh Trung Hoa. Tuy nhiên, ở đất Đồng Nai - Việt Nam thì qua đã được bản địa hóa trở thành sản phẩm văn hóa của riêng cư dân Đồng Nai về số lượng và kiểu thức trang trí.

1 Phạm Đức Mạnh, *Thông tin Khoa học Bảo tàng Đồng Nai*, tháng 11 - 2006, tr.19.

THÁC TRỊ AN

QUA TÁC PHẨM HỘI HỌA

Thác Trị An ở hạ lưu sông Đồng Nai, thuộc huyện Vĩnh Cửu, cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 50km, là một trong những thắng cảnh thiên nhiên của Đồng Nai. Thác Trị An cao 8m, rộng 30m, có vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Các đảo nhỏ và các tảng đá lớn có hình thù đẹp mắt nằm rải rác giữa làn nước trong vắt chảy suốt ngày đêm. Trị An cũng gắn liền với công trình thủy điện lớn nhất Nam bộ những năm 80 của thế kỷ XX.

Một số tư liệu cho biết thác Trị An xưa ở đất Biên Hòa nổi tiếng với cảnh thác hùng vĩ. Đây là thác cuối cùng trong dòng chảy của sông Đồng Nai trước khi chảy vào vùng bình nguyên miệt hạ. Những bức ảnh chụp thác Trị An vào những năm đầu thế kỷ XX cho thấy toàn cảnh thác rộng, nước chảy cuộn cuộn. Có người từng ví von hình ảnh sống động của dòng sông Đồng Nai phía trên thác Trị An như một sơn nữ hồn nhiên, tràn đầy sức sống nhảy tung tăng qua bao ghềnh thác, thung lũng, núi đồi. Đến thác Trị An, chúng ta có thể cảm nhận được một dấu ấn đặc biệt nếu để hồn mình thật sự đắm chìm, hòa quyện với thiên nhiên, và rồi không khó để nhận ra sông bỗng hóa thân làm người phụ nữ hiền hòa, êm dịu, lặng hòa đổ vào vùng bình nguyên mênh mông với dòng nước bao dung ôm lấy những

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

cù lao, sông rạch nên thơ...

Thác Trị An gắn liền với nhiều chuyện tích dân gian rất thú vị. Chuyện kể: "... Ngược dòng Đồng Nai, chàng trai miệt hạ đã lạc vào lãnh thổ của người sơn cước thượng nguồn. Chàng trai bị bắt nhưng nhờ dũng cảm và tài năng của mình đã được dân làng cho sinh sống, trú ngụ. Tại đây, tình cảm của chàng trai và con gái của vị già làng nảy nở. Nhớ quê, chàng tìm cách đi về khi băng qua cây cầu độc đạo và đã phải ngã xuống bởi những loạt cung tên định mệnh của xứ sở người yêu. Trước tình cảnh đó, cô gái của dân làng sơn cước đã trầm mình dưới dòng nước dữ, hóa thân thành tượng đá ngày đêm khóc cho tình yêu mãnh liệt...". Nước mắt của sơn nữ như con nước ngày đêm réo rắt giữa đại ngàn. Chàng trai và cô gái đã chết nhưng tình yêu của họ bất tử. Đây là một trong những chuyện tích mang mô típ huyền thoại đẹp đẽ của tình yêu. Và ở đây cũng mang dấu ấn cho chuyện của một thời mở cõi với những cộng đồng tộc người khai khẩn vùng đất này.

Cảnh đẹp của thác Trị An đã được thể hiện rất nhiều qua những ống kính của các nhà nhiếp ảnh từ trước đến nay. Song một trong những tác phẩm nghệ thuật cũng khá nổi tiếng, đó là bức tranh *Thác Trị An* của cố Giáo sư họa sĩ điêu khắc gia Lê Văn Mậu, nguyên Hiệu trưởng trường Mỹ nghệ Thực hành Biên Hòa (trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí hiện nay). Bức tranh thuộc thể loại sơn dầu có kích thước khá lớn, chiều dài tổng thể (tính cả khung) là

3,71 mét, rộng 2,19 mét (khung rộng 13cm, dày 4,4cm). Tác phẩm được Giáo sư họa sĩ điêu khắc gia Lê Văn Mậu sáng tác vào năm 1952 và được trang trí tại phòng khách Dinh Tham biện tỉnh Biên Hòa (nay là Nhà Thiếu nhi tỉnh Đồng Nai). Hiện nay đang được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu và trưng bày.

Nội dung bức tranh được họa sĩ Lê Văn Mậu thể hiện cảnh thác Trị An rất hùng vĩ và mạnh mẽ với những tầng thác tung bọt nước trắng xóa chảy qua hai bậc đá chìm nổi. Nét vẽ mềm mại, điêu luyện và tài hoa tạo cảm giác sống động cho người thưởng lãm. Xung quanh thác là cây rừng xanh tươi với hai màu sắc chủ đạo là màu trắng của bọt nước và màu xanh của cỏ cây, núi rừng. Phía bên trên là mây màu vàng lan tỏa trên bầu trời. Bên trên góc phải là cảnh những bông hoa rực rỡ đang khoe sắc đỏ trước cảnh đẹp hùng vĩ của thiên nhiên. Đặc biệt, góc trái dưới bức tranh là chữ ký bằng sơn màu đỏ của tác giả Lê Văn Mậu và năm 1952, ghi lại bút tích và thời gian tác giả sáng tác bức tranh này. Trải qua gần 60 năm tồn tại, bức tranh đã cũ và bị rách nhiều chỗ (vết rách ngang hoặc hình chữ L, chữ T theo sơ vải bố), nhiều chỗ sơn dầu cũng đã bị tróc.

Cố Giáo sư họa sĩ, điêu khắc gia Lê Văn Mậu (1917 - 2003) quê tại Vĩnh Long. Từ năm 1927 - 1934, ông theo học và tốt nghiệp trung học tại Sài Gòn. Sau đó thi đậu vào trường Bá Nghệ thực hành Biên Hòa. Từ năm 1937 - 1942, ông học trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (Hà Nội).

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Dưới sự hướng dẫn của Giáo sư E.Jonchere (giải nhất điều khắc La Mã), tên tuổi và tài năng của Lê Văn Mậu đã bắt đầu nở rộ và được nhiều người biết đến.

Họa sĩ, điêu khắc gia Lê Văn Mậu nổi danh trong giới mỹ thuật vào những năm 1950. Người ta biết đến ông với nhiều bức phù điêu, những bức tượng thạch cao, tượng đồng, đá nhân tạo có mặt ở nhiều nơi công cộng, những trung tâm thành phố, ở trường học và các dinh thự. Trường phái nghệ thuật sáng tác của ông là tổng hợp các trường phái với các chủ đề sáng tác chính về: lịch sử, sinh hoạt xã hội, phong tục tập quán, tôn giáo... Chất liệu, thể loại sáng tác chính, như: đá, đồng, điêu khắc, sơn dầu.

Bức tranh *Thác Trị An* là một trong những tác phẩm hội họa khá tiêu biểu mà nhà điêu khắc Lê Văn Mậu sáng tác về Biên Hòa - Đồng Nai, được xem như quê hương thứ hai của ông. Lê Văn Mậu họa lại cảnh thác dựa theo con tem cảnh Thác Trị An ngày xưa nhưng có sự sáng tạo và chấm phá làm cho phong cảnh như sống động mà nên thơ. Trước mắt người thưởng lãm hiện ra bức tranh có sự tương phản giữa màu xanh trù phú tươi mát của nhiều loại cây trái, màu vàng chói chang của mây trời, màu trắng bạc của thác nước tung bọt, màu đỏ khoe sắc của hoa cỏ. Tranh *Thác Trị An* là sự kết hợp màu sắc nhuần nhuyễn của tác giả, thể hiện tài khéo léo cầm bút của nhà hội họa tài ba.

Đây là tác phẩm mà nhà điêu khắc Lê Văn Mậu vẽ để tặng Tỉnh trưởng Biên Hòa và bức tranh được trang trí tại

phòng khách của dinh. Bức tranh đã góp phần làm cho không gian ngôi biệt thự kiến trúc kiểu Pháp trở nên sang trọng, tươi mát và gần gũi với cảnh quan tự nhiên.

Thác Trị An không những mang vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, góp phần phục vụ cho du lịch sinh thái mà còn là cơ sở để xây dựng công trình thủy điện lớn mang tầm vóc quốc tế và thấm đượm tình hữu nghị Việt Nam - Liên Xô vào những năm 80 của thế kỷ XX. Công trình thủy điện Trị An, là một trong những công trình thủy điện lớn nhất miền Nam lúc bấy giờ vừa sản xuất điện năng cho miền Nam vừa thực hiện chức năng thủy nông cho vùng miền Đông Nam bộ.

Hiện nay, thác Trị An đã được quy hoạch với toàn bộ diện tích mặt hồ Trị An với nhiều đảo lớn nhỏ, tạo thành tuyến du lịch sinh thái về nguồn ở vùng đất lịch sử Chiến khu Đ xưa.

DI SẢN VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Đồng Nai là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, là địa phương giàu tiềm năng phát triển kinh tế công nghiệp, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam. Bên cạnh đó, Đồng Nai còn có tiềm năng về khai thác du lịch với những tour du lịch gắn với sông nước, rừng núi và các di tích lịch sử văn hóa ở địa phương. Việc đưa di sản văn hóa hình thành loại hình du lịch văn hóa là cần thiết trong xu thế hiện nay nhằm khai thác, bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa của dân tộc.

1. Những kết quả đạt được của ngành Du lịch Đồng Nai

Trong những năm gần đây, lượt khách và doanh thu du lịch ở Đồng Nai đều tăng cao. Các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đã chú trọng việc mở rộng đầu tư, đầu tư mới các công trình vui chơi giải trí; chủ động tuyên truyền quảng bá và đào tạo nghiệp vụ du lịch. Một số dự án du lịch quy mô lớn cũng đã được khởi động như khu du lịch Bửu Long (286 ha), lâm trại Sơn Tiên (380 ha), khu sinh thái và nuôi thả động vật hoang dã Bắc Sơn (105 ha), khu sinh thái và nuôi cá sấu Cù Lao Ba Xê (27 ha), khu Cù Lao Ông Cồn (200 ha)...

Hoạt động kinh doanh lưu trú ổn định, số lượng các hộ cá thể, doanh nghiệp kinh doanh lưu trú ngày càng tăng. Năm 2008, trên địa bàn tỉnh có trên 200 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó 1 khách sạn 3 sao, 2 khách sạn 2 sao, 3 khách sạn 1 sao và 10 cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở lưu trú du lịch.

Đồng Nai hiện có gần 50 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành (trong đó có các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế là Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai, chi nhánh Vietravel - Đồng Nai và Lữ Việt), từng bước đáp ứng được nhu cầu tham quan du lịch trong và ngoài nước của du khách địa phương vào các dịp lễ, Tết ¹...

Năm 2008, du lịch Đồng Nai đạt tổng lượt khách là 1.461.552 lượt người, tăng 32,78% so với năm 2007, đạt 108,46% so với kế hoạch năm 2008. Tăng doanh thu du lịch là 293,7 tỉ đồng, tăng 39,83% so với năm 2007, đạt 120,05% so với kế hoạch năm 2008. Trong 6 tháng đầu năm 2009, tổng lượt khách du lịch Đồng Nai là 867.506 lượt người, tăng 1,20% so với cùng kỳ năm 2008, đạt 49,25% so với kế hoạch. Tổng doanh thu du lịch là 184,925 tỉ đồng tăng 32,46% so với cùng kỳ năm 2008, đạt 52,91% so với kế hoạch đề ra ².

Với những kết quả đạt được là đáng khích lệ, tuy nhiên,

1 Báo cáo của phòng Nghiệp vụ Du lịch, Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Đồng Nai, 2008.

2 Tập san Văn hóa - Thể thao - Du lịch Đồng Nai số 2/2009, tr. 4.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

ngành Du lịch Đồng Nai cần đẩy mạnh chiến lược hợp lý trong việc thiết kế những tour du lịch văn hóa gắn kết du lịch sinh thái với những di sản văn hóa ở địa phương.

2. Khai thác di sản văn hóa gắn với du lịch ở Đồng Nai

Nhà Bè nước chảy chia hai;

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về

Câu ca dao gợi mở về vùng đất giàu lịch sử, năng động về kinh tế và tiềm năng du lịch mời gọi du khách ghé thăm vùng đất này. Đặc biệt là đối với những địa điểm mang dấu ấn lịch sử văn hóa... Đó chính là hoạt động của văn hóa du lịch đưa du khách đến với những di sản văn hóa của vùng đất Đồng Nai.

Đồng Nai hiện có 39 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp tỉnh và quốc gia, trên 2.000 di tích đã kiểm kê phổ thông, hơn 400 ngôi nhà cổ đã được điều tra và khảo sát. Đồng Nai còn có những làng nghề thủ công truyền thống, như: xưởng gốm Trường Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai, làng gốm Tân Vạn, làng nghề điêu khắc đá Bửu Long (Thành phố Biên Hòa), làng nghề đúc đồng Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu). Các làng dân tộc Mạ, S'tiêng ở xã Tà Lài (huyện Tân Phú) và xã Hiệp Nghĩa (Định Quán); làng dân tộc Choro ở xã Phú Lý, (huyện Vĩnh Cửu), xã Túc Trung (huyện Định Quán) và xã Phước Bình (Long Thành); làng dân tộc Coho ở xã Phú Trung và Phú Bình (Tân Phú); làng dân tộc Chăm ở xã Xuân Hưng (huyện Xuân Lộc) và xã Bình Sơn (Long Thành)...

2.1. Tuyến du lịch di sản văn hóa ở Biên Hòa

Đến với Biên Hòa - Đồng Nai, du khách sẽ lần lượt được tham quan các di sản văn hóa của địa phương, như: Nhà Bảo tàng tỉnh, Văn miếu Trấn Biên, chùa Bửu Phong, đình Tân Lâm, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Đại Giác, chùa Long Thiên, đền thờ Nguyễn Tri Phương, mộ Trịnh Hoài Đức...

Nhà Bảo tàng Đồng Nai nằm giữa trung tâm thành phố Biên Hòa. Bảo tàng hiện đang lưu giữ hơn 20.000 hiện vật và có 14 phòng trưng bày phản ánh lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội của địa phương. Đến Bảo tàng Đồng Nai, du khách được tận mắt tham quan khoảng trên 3.000 tài liệu, hiện vật trưng bày trong 14 phòng chuyên đề từ thời kỳ Tiền sử, Sơ sử, thời kỳ khai phá thuộc Pháp cho đến nay. Người xem sẽ thích thú khi tham quan những di vật cổ, như: công cụ đá cũ Dốc Mờ, Gia Kiệm (có niên đại hàng vạn năm), bộ đàn đá Bình Đa (gồm nhiều thanh đá hợp thành), được biết đến như một di chỉ khảo cổ học, có niên đại trên 3.000 năm cách ngày nay. Hay độc đáo hơn là bộ sưu tập Qua đồng Long Giao vốn được xem là vũ khí có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng nó lại được tìm thấy rất nhiều (hàng trăm tiêu bản) với hoa văn Đông Sơn, chứng tỏ Long Giao chính là kho vũ khí bản địa lớn nhất thời kỳ kim khí ở Việt Nam. Cùng với đồ đồng còn có “con trút” đồng (tê tê) được xem là cổ vật quý hiếm (hiện đã được bảo tàng Nghệ thuật châu Á - Hoa Kỳ mượn đem đi triển

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

lãm ở Mỹ, cùng với hai tượng đá Vishnu của văn hóa Óc Eo). Văn hóa dân tộc cũng là đề tài được bảo tàng chọn đề giới thiệu trong các phòng trưng bày về dân tộc bản địa (Choro, Mạ, S'tiêng, Coho), người Việt, người Hoa...

Số liệu thống kê cho thấy hàng năm khách du lịch đến với Bảo tàng là hàng chục ngàn lượt người (trong đó du khách nước ngoài khoảng trên trăm lượt người). Con số này vẫn còn là khiêm tốn nếu như ngành du lịch địa phương tích cực quảng bá, gắn kết họ đến đây nhiều hơn nữa.

Văn miếu Trấn Biên, một công trình văn hóa có nguồn gốc xây dựng vào thế kỷ XVIII (năm 1715), nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Công trình này thể hiện truyền thống khuyến học, tôn trọng kẻ sĩ của người Việt ngày ấy. Năm 1861, Văn miếu Trấn Biên đã bị Pháp phá hủy khi chúng chiếm đóng Biên Hòa. Năm 1998, Văn miếu Trấn Biên đã được phục dựng nhân kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai và được khánh thành năm 2002 với kiến trúc theo phong cách Văn miếu Hà Nội, đẹp, mang đậm bản sắc văn hóa phương Đông.

Tại văn miếu này, hàng năm có hai sự kiện văn hóa lớn là Xuân Vinh diễn ra vào tháng 2 âm lịch và Thu Vinh diễn ra vào tháng 8 âm lịch. Đây là hai lễ hội truyền thống mang ý nghĩa khuyến học nhằm tôn vinh những hiền tài, nhân sĩ trí thức của địa phương. Ngày nay, Văn miếu Trấn Biên là một trong những trung tâm sinh hoạt văn hóa và là nơi tham quan lý tưởng đối với du khách gần xa.

Một trong ba ngôi chùa cổ nhất (cùng với chùa Bửu Phong và chùa Đại Giác) còn lại đến ngày nay trên đất Biên Hòa là chùa Long Thiền ở phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, xây dựng vào năm 1664. Chùa Long Thiền được xây dựng cùng thời với một số ngôi cổ tự lớn khác ở vùng Đồng Nai - Gia Định như chùa Bửu Long, Đại Giác, Khải Tường, Từ Ân, Giác Lâm vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Chùa Long Thiền kiến trúc theo hình chữ “tam” mang phong cách và dấu ấn Phật giáo Đại thừa. Trong chánh điện còn thờ nhiều pho tượng Phật cổ bằng đất nung và bằng đồng. Đây cũng là nơi truyền bá Phật giáo đầu tiên ở Nam bộ.

Tại Cù Lao Phố, vùng đất lịch sử vang danh thương cảng một thời ở phương Nam nay thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, còn có đền thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh bậc công thần của nhà Nguyễn, người đã kinh lược vùng đất Nam bộ, xác lập cương thổ Đàng Trong vào quốc gia Đại Việt. Trước ngôi đình này còn có nhà bia Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm được chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai lập năm 1998 nhân kỷ niệm 300 năm hình thành phát triển.

Một di tích văn hóa lịch sử khác liên quan đến quá trình khai phá và hình thành vùng đất Đồng Nai là đình Tân Lâm ở đường Nguyễn Văn Trị, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa. Đình thờ Trần Thượng Xuyên, di thần nhà Minh (Trung Quốc) có công khai phá đất đai, mở mang

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Nông Nại đại phố (Cù Lao Phố) trở thành một trung tâm buôn bán nhộn nhịp, sầm uất của xứ Gia Định - Đồng Nai lúc bấy giờ. Đình có kiến trúc theo phong cách Hoa Nam (Trung Quốc) cuối đời Minh pha lẫn kiến trúc cung đình đầu nhà Nguyễn. Những tác phẩm điêu khắc, phù điêu bằng gốm, hoặc cẩn xà cừ, ghép mảnh sành sứ; đặc biệt quần thể tiểu tượng gốm trên nóc mái đặc trưng của vùng Hoa Nam chứa đựng những triết lý nhân sinh của Khổng, Lão và Phật giáo kết hợp hài hòa, thể hiện bản sắc văn hóa Đông phương thâm trầm và độc đáo.

Nhà cổ Trần Ngọc Du, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa cũng là một trong những địa điểm mà du khách phương xa muốn ghé thăm. Vì đây là một trong 5 ngôi nhà cổ ở Việt Nam được tổ chức Jica (Nhật Bản) trùng tu, tôn tạo.

2.2. Tuyến du lịch di sản văn hóa Long Thành - Nhơn Trạch

Trên tuyến du lịch Long Thành - Nhơn Trạch, du khách còn được tham quan lăng mộ Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng ở xã Long Phước, huyện Long Thành; nhà bia liệt sĩ Rừng Sác ở huyện Nhơn Trạch, địa đạo Nhơn Trạch. Nhà cổ họ Đào (Hội đồng Liêu) ở xã Phú Hội (Nhơn Trạch) vốn là nhà phú hộ xưa kia, là một trong số hơn 400 ngôi nhà cổ đã được điều tra khảo sát; di tích cũng là nơi được nhiều đoàn phim chọn làm bối cảnh quay.

2.3. Tuyến du lịch di sản văn hóa Long Khánh - Xuân Lộc

Theo tuyến du lịch huyện Long Khánh, Xuân Lộc; du khách sẽ được tham quan mộ cổ Hàng Gòn, tòa Hành chính Long Khánh và làng dân tộc Chăm ở xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc.

Mộ cổ Hàng Gòn thuộc xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, phía tây Tỉnh lộ 2 đường Long Khánh đi Bà Rịa, cách thành phố Biên Hòa 80km. Đây là di tích khảo cổ học tiêu biểu cho nền văn hóa cách đây hơn 2.500 năm. Mộ cổ này do kỹ sư người Pháp tên Bouchot J. tìm ra vào năm 1927 khi mở đường số 2 nối Long Khánh đi Bà Rịa. Ngôi mộ có kiến trúc theo phong cách Dolmen ở Đông Nam Á. Có hai hàng trụ đá hoa cương với 10 trụ, mỗi trụ cao từ 1,5m đến 3m bao quanh hầm mộ. Mộ được ghép bằng những tấm đá hoa cương nặng hàng tấn, phần nắp mộ ước tính chừng 10 tấn. Xung quanh mộ có nhiều phiến đá lớn xếp bằng phẳng, tinh xảo và cân đối, thể hiện trình độ văn minh của người xưa cách nay đã hàng mấy thiên niên kỷ. Năm 1992, ngôi mộ cổ này đã được trùng tu, xây tường gạch bảo vệ, chống mưa gió xói mòn, xung quanh trồng nhiều cây xanh đẹp.

2.4. Đến với lễ hội dân gian

Không chỉ tham quan di tích đơn thuần mà khi đến với di tích đình làng, du khách còn được tham dự vào các lễ hội dân gian ở đây, đặc biệt lễ hội Kỳ yên ở các ngôi đình người Việt.

Lễ Kỳ yên (cầu an) còn gọi là lễ vía thần được tổ chức

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

tại các thời điểm khác nhau trong một năm. Tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, lễ Kỳ yên được tổ chức vào các ngày 26 tháng 6 và ngày 11 tháng 11 âm lịch. Đình An Hòa (xã An Hòa, huyện Long Thành) tổ chức vào ngày 15 và 16 tháng 8 âm lịch. Đền thờ danh tướng Nguyễn Tri Phương (phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa), lễ Kỳ yên được tổ chức vào ngày 16 và 17 tháng 10 âm lịch. Đình Tân Lâm (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa) thờ Đô đốc Trần Biên Trần Thượng Xuyên, tổ chức lễ Kỳ yên vào ngày 23 tháng 11 âm lịch.

Nghi lễ Kỳ yên cũng giống như nghi thức lễ cúng thành hoàng ở Nam bộ bao gồm: lễ cúng Tiền hiền, Hậu hiền, lễ rước thần, lễ dâng vật cúng thần và lễ tổng ôn. Ba năm một lần có tổ chức hát bội, múa. Ngoài phần lễ còn có hội đua thuyền, xô giàn thí thực. Đến giờ Ngọ, giàn được xô ra cho mọi người cùng tranh lấy đồ cúng như là sự ban phát lộc của thần linh.

2.5. Du lịch làng nghề truyền thống

Muốn tham quan các làng nghề thủ công truyền thống gốm hay điêu khắc đá; du khách sẽ được hướng dẫn viên đưa đến làng gốm Tân Vạn, xưởng gốm Trường Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai và làng đá Bửu Long. Đến những nơi này, du khách sẽ được tận hưởng khoảnh khắc sáng tạo của các nghệ nhân khi nhìn những bàn tay cô thợ gốm khéo léo chạm khắc họa tiết trang trí trên gốm hay bàn tay rắn chắc thuần thục của người thợ chạm khắc đá... Tất cả như những

bức tranh nghệ thuật mà hiện thực khi du khách được đắm mình vào thế giới của họ.

Có thể nói, di sản văn hóa Đồng Nai là tài sản quý giá do các thế hệ người Đồng Nai tạo nên. Di sản văn hóa luôn là niềm tự hào của cả dân tộc là bản sắc văn hóa của một dân tộc. Đây là một tiềm lực dồi dào và là một điểm nhấn trong du lịch văn hóa. Ngành Du lịch ở Đồng Nai sẽ ngày càng phát triển hơn nữa và tạo được sự riêng biệt của mình, nếu biết khai thác tốt những thế mạnh ở địa phương mình.

3. Định hướng tổ chức các tuyến du lịch Đồng Nai

Trên cơ sở khai thác về tiềm năng văn hóa du lịch, ngoài thị trường và sản phẩm du lịch chính, ngành du lịch Đồng Nai đã tiến hành xây dựng định hướng các tuyến du lịch theo 5 tuyến chính, kết hợp du lịch sinh thái với di sản văn hóa địa phương, như

3.1. Tuyến du lịch sông Đồng Nai

Khai thác du lịch sông theo hướng kết hợp tham quan vui chơi giải trí (Cù Lao Hiệp Hòa, Cù Lao Ba Xê, Cù Lao Cỏ, Cù Lao Tân Vạn, vườn bưởi Tân Triều, Trung tâm Văn hóa Bửu Long) với du lịch di sản văn hóa (Văn miếu Trấn Biên, Chùa Ông, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Long Thiền, Bảo tàng Đồng Nai), làng nghề (gồm Tân Vạn, Hóa An), làng cá bè Tân Mai.

3.2. Tuyến du lịch Vĩnh Cửu - Thống Nhất - Trảng Bom

- Hình thành và phát triển khu du lịch làng bưởi Tân

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Triều vừa mang tính độc lập vừa là một điểm dừng hấp dẫn của tuyến du lịch sông cả tuyến đường bộ, hình thành tour đảo Ó - Đồng Trường - Chiến khu Đ - làng dân tộc Phú Lý - Vườn Quốc gia Cát Tiên.

- Khai thác các điểm Suối Đá, khu Du lịch Thanh Bình, Suối Reo, hồ Sen... để tạo nhiều điểm dừng cho các tuyến du lịch lân cận như khu Du lịch thác Giang Điền, khu Du lịch động vật hoang dã Bắc Sơn, gần với khu Di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1.

3.3. Tuyến du lịch Long Thành - Nhơn Trạch

Gồm các điểm du lịch xã Vĩnh Thanh - Phước Khánh, khu Du lịch Cù Lao Ông Cồn, sân Golf Long Thành và khu Du lịch Lâm trại Sơn Tiên trên cơ sở xác định rõ những khu, điểm này là trọng điểm du lịch của tuyến. Ngoài ra còn có các khu Du lịch Câu lạc bộ Xanh, thác An Viễn, khu Du lịch Long Tân - Phú Hội, Rừng Đước Phước Thái, khu Du lịch Rừng Sác...

3.4. Tuyến du lịch Tân Phú - Định Quán

Gồm các điểm du lịch Vườn Quốc gia Cát Tiên là khu du lịch sinh thái trọng điểm của tỉnh; khu Du lịch Thác Mai - Hồ nước nóng theo loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng, chữa bệnh; khu Du lịch Hồ Đa Tôn, thác Hòa Bình - chùa Linh Phú, cụm Văn hóa xã Tà Lài, khu Du lịch thác Ba Giọt, khu Du lịch Đá Ba Chồng.

3.5. Tuyến du lịch Xuân Lộc - Long Khánh - Cẩm Mỹ

Gồm các điểm Du lịch núi Chứa Chan - chùa Gia Lào, khu Du lịch Núi Le, khu Du lịch Thác Trời, gần khu giải trí đồi Sơn Thủy, công viên văn hóa Suối Tre, công viên Hòa Bình với điểm di tích văn hóa Mộ cổ Hàng Gòn và điểm Du lịch Suối Cả...

Từ định hướng phát triển du lịch Đồng Nai, cho thấy, Đồng Nai đã và đang hoạch định những bước đi trong việc liên kết loại hình du lịch truyền thống với hoạt động văn hóa bên cạnh các dịch vụ thương mại, còn gọi là văn hóa du lịch. Những hoạt động này sẽ luôn luôn là định hướng bền vững để phát triển ngành văn hóa du lịch ở địa phương.

ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN Ở ĐỒNG NAI

Văn hóa của người Việt ở Đồng Nai định hình từ khoảng thế kỷ XVII, khi vùng đất Nam bộ chính thức trở thành lãnh thổ quốc gia Đại Việt. Khởi đầu công cuộc Nam tiến là cuộc hôn nhân của công chúa Ngọc Vạn (trưởng nữ của chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên) với vua Chân Lạp là Chey Chetta II vào năm 1620. Cuộc hôn nhân Lạp - Việt này đã đưa đến việc thiết lập các cơ sở đầu tiên của chúa Nguyễn tại xứ Đồng Nai (Nông Nại) của Đại Việt. Thời kỳ này đã có nhiều người Việt vào sinh sống ở vùng đất mới phía nam. Năm 1658, công cuộc mở rộng đất nước của chúa Nguyễn đã có sự khởi đầu tốt đẹp khi chúa Nguyễn Phước Tần cho Phó tướng Trấn Biên là Nguyễn Phước Yêm đem 3.000 quân vào dẹp loạn Chân Lạp tại Mối Xuy (Phước Chánh - Biên Hòa) và bắt Lạp vương là Nặc Ông Chơn phải triều cống hàng năm cho Đại Việt và nhất là bảo hộ cho số người Việt ở đây. Lúc này, ở đây đã có thêm số dân Ngũ Quảng (Đàng trong) đến tị nạn do cuộc binh biến của Trịnh, Nguyễn trước đó.

Quá trình mở mang đất nước về phía nam được tiến hành liên tục trong suốt một thời gian dài, đặc biệt là những dấu ấn mang tính chất quyết định cho lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ. Điển hình là sau khi người Việt vào

khai khẩn trước đó thì đến năm 1679 đoàn người Hoa theo Trần Thượng Xuyên vào vùng Cù Lao Phố (Biên Hòa) và sớm thành lập nên thương cảng Cù Lao buôn bán sầm uất với thương khách trong và ngoài vùng với những sản vật địa phương.

Năm 1698, Kinh lược sứ Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh với việc khai thôn lập ấp, đặt tên hành chính cho vùng đất Đồng Nai - Gia Định và lần đầu tiên đưa vùng đất mới Nam bộ vào bản đồ quốc gia Đại Việt. Quá trình Nam tiến của nhà Nguyễn cơ bản đã hoàn thành và từ đây cuộc sống của người dân Đại Việt đã tương đối ổn định. Trên cơ sở hình thành cuộc sống mới, văn hóa của người Việt ở xứ Đồng Nai đã bắt đầu được định hình cùng tồn tại và phát triển phù hợp với tâm lý, nguyện vọng của cư dân địa phương.

Văn hóa của người Việt ở Đồng Nai không ngoài sự thống nhất của văn hóa cư dân ở Nam bộ. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của vùng đất ven sông và đồi núi thấp, nên văn hóa dân tộc Việt ở Đồng Nai còn mang tính chất văn hóa của người dân vùng miền Đông Nam bộ (do địa hình cư trú ảnh hưởng trong đời sống lao động sản xuất và sinh hoạt văn hóa dân tộc).

Văn hóa của người Việt được đề cập ở đây bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Trong đó, văn hóa vật thể dễ nhận ra qua các phương tiện vật chất, như: nhà ở, trang phục, công cụ sản xuất, phương tiện đi lại và ăn

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

uống hàng ngày... Còn văn hóa tinh thần hay văn hóa phi vật thể được biểu hiện qua tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, lễ hội, kiến trúc, văn hóa nghệ thuật, diễn xướng dân gian...

1. Văn hóa vật thể trong đời sống

Ngay từ thời gian đầu đến khai phá vùng đất đầm lầy hoang vu, rậm rạp, người Việt đã sống quần cư tập trung theo địa bàn ven sông Đồng Nai hay vùng gò núi thấp có đất đỏ bazan. Địa bàn tụ cư của người Việt chủ yếu ở ven sông Đồng Nai (vùng Biên Hòa), vùng Cù Lao Phố, Cù Lao Tân Triều, làng Bến Gỗ, Long Thành, Bà Rịa và các vùng đồi núi Tân Phú, Định Quán, Long Khánh, Xuân Lộc...

Đặc điểm nhà ở của người Việt ở Đồng Nai là sử dụng vật liệu thiên nhiên sẵn có như cột gỗ, mái tranh, lá dừa nước... chân cột kê đá tảng (đá xanh) ở Bửu Long, hàng hiên lát đá ong khai thác ở địa phương... Kiểu nhà thông dụng của người Việt là nhà cột giữa (nhà rọi, hay nhà nọc ngựa) với nhà một gian hoặc ba gian. Gia đình khá giả hơn có thể làm nhà kiểu đâm trính (nhà bát trụ hay nhà chày cối) tượng trưng cho trình độ nghệ thuật kiến trúc cao ở nông thôn Nam bộ. Vùng Cù Lao Phố hay làng Mỹ Khánh, phường Bửu Hòa (Biên Hòa) vẫn còn một số ngôi nhà cổ xưa. Nhà thờ họ Trần ở Tân Vạn, nhà cổ ở đường Phan Chu Trinh gần chợ Biên Hòa, nhà ông Sáu Sao (Bửu Hòa), nhà cô giáo Hòa, nhà ông Tống Đình Bắc ở Cù Lao Phố,

nhà ông giáo Hào (Thanh Phú, Vĩnh Cửu), nhà Đào Mỹ Trí Nhân (Phú Hội, Nhơn Trạch)... là những ngôi nhà cổ mang kiến trúc truyền thống dân gian Nam bộ.

Nói đến trang phục truyền thống ở vùng nông thôn Nam bộ không thể không nói đến bộ áo quần bà ba đen hoặc nâu với chiếc khăn rằn quấn vai hay quần kiêu đầu riu trên đầu. Người Việt ở Đồng Nai cũng không loại trừ ảnh hưởng trang phục truyền thống Nam bộ ấy với bộ áo quần bà ba ngắn với loại vải sợi thường, chiếc khăn rằn (sản phẩm giao lưu văn hóa với dân tộc Khmer) và đặc biệt là chiếc nón lá của dân tộc Việt Nam. Còn trang phục lễ hội và đình đám có trau chuốt lượt là hơn với bộ áo dài màu xanh dương hoặc đen bằng vải gấm, xuyên hoặc the với quần trắng đầu đội khăn đóng, chân đi giày (đối với đàn ông); còn đàn bà đi guốc gù hoặc hài, có khăn vuông quấn cổ, tóc để dài và bới kiểu bánh lái có trâm cài, tay xách ví hoặc bóp. Phụ nữ đeo thêm đồ trang sức, như: chuỗi, bông tai, cà rá, vòng tay, xuyên, kiềng cổ...

Ngày nay, trong các lễ hội ở đình làng những trang phục truyền thống còn được bảo lưu ở những người cao niên còn hiếu cổ. Ngoài những trang phục xưa, hiện nay chiếc áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt Nam đã được cách tân và được xem là một trong những trang phục truyền thống dân tộc đẹp nhất trên thế giới vì tính chất duyên dáng, mềm mại và cũng không kém vẻ đẹp lộng lẫy hấp dẫn cho người mặc nó. Còn bộ lễ phục của nam giới hiện nay là

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

chiếc quần tây, áo sơ - mi hay bộ veston được du nhập từ phương Tây. Bộ áo dài khăn đóng hay nón cụ quai tơ, áo rộng là những hiện vật dân gian đã được bảo tồn và trưng bày ở các bảo tàng địa phương và khu vực, là điển hình cho hiện vật văn hóa trang phục của người Việt ở Nam bộ.

Văn hóa ẩm thực của người Việt rất phong phú. Món ăn tiêu biểu của người Việt vẫn là cơm được nấu chín từ hạt gạo và các món canh chua, canh rau, cá chiên hoặc cá kho. Đặc biệt là các món mắm, Nam bộ có rất nhiều loại mắm, như: mắm đồng, mắm cá, mắm cua, mắm ruốc, mắm tôm, mắm tép... Bên cạnh các món ăn còn có một loại thức uống từ gạo được ủ men chung cất lên đó là rượu. Rượu gạo có vị cay nồng và làm mê người thưởng thức; nhâm nhi một vài chung rượu bên cạnh mâm cơm truyền thống thật là lãng mạn và không kém phần thi vị cho văn hóa ẩm thực của người Việt. Bữa ăn cũng luôn là dịp để các thành viên trong gia đình tụ họp nhau, gặp gỡ đầy đủ (đặc biệt trong hai bữa ăn chính: trưa và tối). Người Việt còn có tục lệ ăn trầu và hút thuốc (thuốc Lào, thuốc rê, thuốc vắn, thuốc lá). Ăn trầu làm cho môi đỏ, chắc răng và cũng là lễ nghi thể hiện tình cảm tốt đẹp đối với nhau trong văn hóa ứng xử của người Việt. Nghi lễ trầu cau còn là một trong những nghi thức quan trọng trong đám cưới, đám tang, giỗ chạp của người Việt Nam.

Thời kỳ đầu ở Nam bộ, đường thủy là đường giao thông quan trọng và huyết mạch; vì vậy chiếc ghe, xuồng đã là những phương tiện giao thông chủ yếu để cư dân đi lại trên

các vùng sông rạch, đầm lầy. Đây cũng là phương tiện để ngư dân đi lại đánh bắt tôm, cá và các loại thủy sản khác, sinh hoạt trên sông nước. Đường giao thông trên bộ có xe trâu, xe bò, xe ngựa gắn liền với đời sống nông nghiệp lâu đời ở Đồng Nai - Nam bộ vào những thế kỷ trước đây.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Việt ở Nam bộ đã có sự cải tiến các loại công cụ sản xuất để phù hợp với đồng ruộng, như: cuốc, xẻng, dao phay, cày, bừa lá mít, bừa lá ổi, xa quạt lúa, chày cối giã gạo, búa, rìu, thùng, rổ, sàng, ... tạo nên nét phong phú cho văn hóa sản xuất của người Việt có vai trò chủ đạo ở vùng đất mới này.

Chiếc rương xe Nam bộ cũng là một trong những hiện vật sinh hoạt của cư dân người Việt có truyền thống lâu đời. Rương xe dùng để đựng đồ đạc trong gia đình nay đã trở nên hiếm thấy sử dụng trong dân gian, hiện chỉ còn trong một số ngôi nhà cổ, mang nhiều giá trị kiến trúc nghệ thuật với nhiều tài sản có giá trị ở các làng người Việt truyền thống Nam bộ.

Nghệ thuật làm gốm Biên Hòa là sự phát triển nghệ thuật đến đỉnh cao trên sự kế thừa kỹ thuật làm gốm của người Việt cùng với người Hoa sản xuất gốm ở vùng Cù Lao Phố Biên Hòa tạo nên sản phẩm gốm Biên Hòa khá tiêu biểu và độc đáo. Sản phẩm của các làng nghề thủ công truyền thống gốm, đá, mộc, rèn... góp phần làm cho kho tàng văn hóa vật thể của người Đồng Nai thêm đa dạng và phong phú.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

2. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội

Bên cạnh văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể cũng đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa phong phú cho người Việt ở Đồng Nai trên nhiều lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, văn hóa nghệ thuật, di sản dân gian...

Tín ngưỡng tôn giáo người Việt ở Đồng Nai khá đa dạng. Đạo Phật là tôn giáo lâu đời với ba ngôi chùa cổ ở Biên Hòa như Bửu Phong cổ tự, Long Thiền cổ tự, Đại Giác cổ tự. Đây là những ngôi chùa có lịch sử xây dựng khá sớm khi người Việt vào đất Đồng Nai. Những ngôi chùa này đã được xếp hạng là di tích lịch văn hóa cấp quốc gia.

Đạo Thiên Chúa và các xóm đạo cũng được xây dựng khá sớm ở vùng Vĩnh Cửu, Bến Gỗ, Biên Hòa. Năm 1774, khi Nguyễn Ánh lánh nạn Tây Sơn ở Tân Triều thì họ đạo ở đây đã có và đã được tổ chức có nề nếp và vững chắc. Nhà thờ Tân Triều được xây dựng năm 1870 trước cả nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn.

Cả đạo Phật và đạo Thiên Chúa là những tôn giáo đã được người Việt tiếp nhận và tôn sùng. Tuy nhiên, tín ngưỡng dân gian chủ yếu của người Việt từ bao đời nay vẫn là tín ngưỡng thờ kính ông bà tổ tiên, thờ kính cha mẹ. Những biểu hiện của tín ngưỡng dân gian qua đặc điểm trước nhà người Việt thường có bàn Thiên (thờ Trời) và trong nhà có bàn thờ tổ tiên, ông bà cha mẹ, những người đã khuất... Đây có thể được xem là một trong những biểu hiện văn hóa sâu sắc, là đạo lý nhân bản và đẹp đẽ nhất của người Việt Nam.

Từ những tín ngưỡng dân gian thuần Việt, nhân dân còn dựng nên các ngôi đình, đền, miếu để tưởng nhớ công lao những vị thần Thành Hoàng, bậc khai quốc hay anh hùng liệt sĩ có công xây dựng và bảo vệ quê hương xứ sở. Hàng năm, tại những ngôi đình này thường diễn ra những lễ hội Kỳ yên. Những lễ hội ở các cơ sở này là những nét văn hóa độc đáo tiêu biểu mà chỉ có ở những nơi đó, như: lễ Hạ thuyền ở đền thờ Nguyễn Tri Phương, lễ Múa bóng rối, múa mâm xôi mâm vàng ở miếu thờ Bà, hay hát bội diễn trò hát xướng ở đình An Hòa hoặc đua ghe ở làng Bến Gỗ...

Khi thực hiện nghi lễ, người Đồng Nai có hai hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống đáng chú ý là: xây châu đại bội ở lễ hội Kỳ yên cúng đình và hát múa Địa Nàng bóng rối ở lễ hội cúng miếu.

Hát bóng rối, chập Địa Nàng là hình thức diễn xướng vừa mang tính nghi lễ vừa để vui chơi, giải trí trong lễ hội cúng đình, miếu. Đây là hình thức diễn xướng có chức năng thực hành nghi lễ tập tục thờ cúng nữ thần, như: Bà Chúa Xứ, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Ngũ Hành nương nương, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thiên Hậu Thánh Mẫu...

Hát bóng rối là một tập hợp nhiều tiết mục gồm: châu mời thỉnh tổ, múa bóng, múa mâm, bán lời, an vị và hát chập Địa Nàng.

Châu mời thỉnh tổ do các cô bóng, bà bóng thực hiện đội khăn màu đỏ ngồi trên ghế trước điện thờ tay cầm chiếc

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

trống nhỏ vừa điểm trống... phụ họa để mời các thần về dự lễ. Múa dâng bông và dâng mâm có ý nghĩa dâng lễ vật cho thần linh. Lễ vật múa dâng là bông hoa và tháp đặt trên mâm. Khi múa dâng bông các bà bóng sử dụng bông như là đạo cụ để biểu diễn. Hát bóng rồi gắn liền với nghi lễ cúng tế thần linh.

Chập Địa Nàng là tiết mục được diễn trong các lễ lớn, là vở diễn hài hước giữa hai nhân vật là Tiên nữ và Địa. Cuối cùng của diễn chập Địa Nàng là phần nói thơ chúc cho mọi sự tốt đẹp, quốc gia thái bình, mọi nhà an vui.

3. Ca dao, dân ca trong sinh hoạt văn hóa dân gian

Đời sống văn hóa dân gian của người Đồng Nai cũng rất phong phú, đặc biệt trong kho tàng văn hóa nghệ thuật như ca dao, dân ca, hò, vè, lý... Thơ ca của người Việt khá đa dạng, giàu bản sắc dân tộc, nhất là ca dao trữ tình. Khi vào đất Đồng Nai, người Việt mang theo những câu ca đó và được lưu truyền mãi đến sau này. Ngoài ra, nhiều ca dao, dân ca miền Trung, miền Bắc được cải biến phù hợp với hoàn cảnh, địa lý của vùng đất mới.

Ca dao dân ca là tiếng nói dân gian của người Việt nói chung, phản ánh tâm tư tình cảm của con người trong sinh hoạt hàng ngày không chỉ ở nơi đồng nội mà ở cả những đô thị phồn hoa. Tuy là ngôn ngữ dân gian, nhưng ca dao, dân ca không phải là tiếng nói bình thường mà là ngôn ngữ có vần, có điệu nên dễ phổ biến trong quần chúng.

Nguyễn Thị Nguyệt

Đồng Nai là nơi có nhiều nguồn dân cư nên ca dao dân ca rất đa dạng, phản ánh nhiều sắc thái tình cảm khác nhau. Nhưng trước hết ca dao dân ca thể hiện được sự trù phú của vùng đất mới Đồng Nai, đó là sự hấp dẫn cho những cư dân gần xa đến đây khai phá, nội dung những bài ca là sự mời chào, giới thiệu, hướng về đất Đồng Nai:

Đồng Nai gạo trắng nước trong;

Ai đi đến đó thì không muốn về

Ca dao ca ngợi Đồng Nai vì nơi đây đất đai màu mỡ, lúa gạo thu hoạch nhiều và gạo lại trắng trong. Vì vậy, nhiều lớp lưu dân đã bỏ xứ tìm đến nơi này để mưu sinh.

Đồng Nai gạo trắng như cò;

Trốn cha trốn mẹ xuống đò theo anh

Thời khai hoang mở cõi, nhiều người đã phải bỏ mạng vì rừng thiêng: “*Muối kêu như sao thối; Địa lợi như bánh canh*” hay “*Dưới sông sấu lội trên rừng cọp um*”... Vì vậy, cư dân Đồng Nai sống với thiên nhiên trù phú và rộng lớn bao la, đã thể hiện bản lĩnh ở nơi này.

Làm trai cho đáng nên trai;

Phú Xuân đã trải Đồng Nai đã từng

Thiên nhiên ưu đãi là thế, nhưng cũng có khó khăn nhất định của buổi đầu khai hoang. Đó là cảm xúc bơ vơ, lạ lẫm trước cảnh vật hoang sơ của lớp người đi khai phá

Đến đây xír sớ lạ lùng;

Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Đi ra sọt đĩa cắn chân;

Xuống sông sáu ních, lên rừng cạp tha...

Với sự hăng say lao động của lớp người đi khai phá đã nhanh chóng biến Đồng Nai thành vùng đất đầy tiềm năng. Con người đã chinh phục tự nhiên, làm chủ vùng đất mới. Niềm tự hào về quê hương, mối quan hệ máu thịt với đất nước, con người Đồng Nai dần trở thành dòng mạch chính trong ca dao dân ca:

Trà Phú Hội, nước Mạch Bà;

Sầu riêng An Lộc, chuối già Long Tân.

Cá bui, sò huyết Phước An;

Gạo thơm Phước Khánh, tôm càng Tam An

Biên Hòa có bưởi Thanh Trà;

Thủ Đức ném nường, Điện Bà Tây Ninh...

Ca dao dân ca ở Đồng Nai là sự phản ánh những cung bậc tình cảm khác nhau của người Đồng Nai gắn với sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Đây còn là những kinh nghiệm của người dân Đồng Nai về các hiện tượng trong tự nhiên cũng như ứng xử trong xã hội, là kho tàng tri thức dân gian của địa phương...

Người Việt vào Đồng Nai thừa hưởng được vốn tri thức và tiếng nói thậm chí là cả chữ viết của cha ông ở quê nhà nên kho tàng tục ngữ, phương ngôn được đưa vào sử dụng về kinh nghiệm sản xuất, qui tắc ứng xử không khác mấy so với miền Bắc và miền Trung. Dù vậy, cũng có những

kinh nghiệm sống hình thành từ cuộc sống được truyền qua bao thế hệ ở đất Đồng Nai. Kinh nghiệm đó được rút ra từ cuộc sống, lao động sản xuất, việc dự báo thời tiết, mùa vụ, cách chọn giống... phục vụ trong lao động sản xuất.

3. Diễn xướng dân gian

Đồng Nai, mảnh đất hội tụ đầy đủ các loại dân ca xứ miền Bắc và miền Trung như quan họ, ca Huế, ví dặm... do di dân đem từ quê hương vào. Trong sinh hoạt cộng đồng người Đồng Nai cũng tổ chức sinh hoạt nghệ thuật, hò, hát, lý, kể vè, nói thơ, nói tuồng, đồng dao, đờn ca tài tử... Phổ biến ở Biên Hòa là hò chèo thuyền, hò cấy, hò giã gạo, hò đò dọc, hò rỗi, lý Đồng Nai, lý lu là, lý trèo lên... *Vè Hương thân Cần, Vè rượu...* là các bài vè lưu truyền nổi tiếng. Trong đám tang có hò đưa linh là tiếng đạo hò hô rập lúc khiêng quan tài, có ý than kẻ cũng có ý làm cho quên mệt. Sau này, ảnh hưởng của hát bội đã biến đổi hò đưa linh thành hát đưa linh - một hình thức diễn xướng tổng hợp, bao gồm cả diễn tuồng, đấu võ và hò đưa linh phổ biến ở Nam bộ.

Hơn ba thế kỷ qua, người Đồng Nai có những điệu lý, hò, vè mang giọng điệu của nguồn gốc miền Bắc và miền Trung. Tiếng hát ru của các bà mẹ vẫn ẩn chứa đủ giọng của cả ba miền; đặc biệt, các điệu lý lại có âm hưởng của xứ Thuận Quảng. Những lúc lao động, người Đồng Nai lại có những điệu hò cấy rất điệu nghệ và tài tử giữa nam và nữ. Trong cấy gặt, thanh niên nam nữ thôn quê Đồng Nai

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

còn có tục hò đối đáp giao lưu tình cảm với nhau. Nội dung hò cây rất phong phú, đa dạng thường được thể hiện, như

- Trai hò ghẹo

+ *Hò... hơ... Áo em năm nút cũng đen, tôi hò với chị em lạ, chị em quen tôi không hò.*

+ *Thò tay bức cọng rau ngò, anh thấy em còn nhỏ chân bò anh thương.*

- Gái hò

Hò... hơ... Tiếng anh ăn học nhà trường, lời đây em hỏi cỏ trong vườn mấy cây?

- Trai đáp

Hò... hơ... Em về nghĩ lại cho tường, tóc em mấy sợi, thì cỏ trong vườn mấy cây...

Ngoài hò cây còn có hò chèo xuồng hay con gọi là hò chèo ghe, hay hò giã gạo. Thực chất hò chèo xuồng, hò giã gạo là biến thể của hò cây trong môi trường lao động khi chèo xuồng hoặc giã gạo. Cũng theo hình thức lao động mà ngoài hò chèo ghe con có hò dò dục của giới thương hồ buôn bán đường dài trên sông nước.

Ngoài hò, Đồng Nai còn có loại hình kể vè, nói thơ, nói tuồng. Đây là hình thức diễn xướng tự sự bằng lời “nói vắn” có gõ nhịp hoặc không gõ nhịp. Ở Đồng Nai thường lưu truyền nhiều bài vè, phổ biến là các bài vè quen thuộc, như: vè Chàng Lía, vè con cút, vè nói dóc, vè con gái lấy thợ câu cua, vè nói ngược, vè trăm thứ bánh...

Có thể nói, mỗi thể loại hình văn hóa dân gian đều có ý nghĩa to lớn. Mỗi lĩnh vực của văn hóa dân gian phản ánh những nội dung khác nhau từ khó khăn gian khổ đến vui vẻ, hạnh phúc trong cuộc sống của người dân. Không những vậy, văn hóa dân gian còn phần nào thể hiện khát vọng của người dân ở những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, trong đó người dân lao động có vai trò chủ đạo. Chính nguồn gốc xuất phát trực tiếp từ cuộc sống của người nông dân là cơ sở để văn hóa dân gian có thể tồn tại trong suốt thời gian dài dù lịch sử luôn có những biến đổi.

Hơn ba thế kỷ khai phá, xây dựng, phát triển; người dân Đồng Nai sáng tạo ra một kho tàng văn hóa dân gian đa dạng, phong phú. Đời sống văn hóa dân gian của người Đồng Nai mang đậm sắc thái giao lưu văn hóa của nhiều vùng miền, đặc biệt là văn hóa Bắc bộ và Trung bộ, tạo nên những bản sắc vừa gần gũi thân quen nhưng cũng rất sáng tạo trong quá trình hình thành, phát triển và hội nhập. .

TÍN NGƯỠNG THỜ NỮ THẦN Ở ĐỒNG NAI

1. Đặt vấn đề

Vùng đất Đồng Nai thuộc miền Đông Nam bộ, trước thế kỷ XVII, nơi đây là địa bàn của các tộc người bản địa, như: Choro, Mạ, S'tiêng, Coko, Chăm. Từ thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai tiếp nhận người Việt từ miền Bắc và miền Trung vào khai khẩn, lập nên phố chợ sầm uất. Năm 1679, người Hoa theo Trần Thượng Xuyên vào khai khẩn vùng Bàn Lân xây dựng thương cảng Cù Lao Phố nổi tiếng ở phía nam lúc bấy giờ.

Tồn tại những tộc người bản địa và tiếp nhận những đoàn người Việt và người Hoa định cư, đến hôm nay vùng đất Đồng Nai vẫn là địa phương luôn thu hút nguồn nhân lực từ nhiều địa phương trong cả nước đến sinh cư lập nghiệp.

Kinh tế chủ yếu của Đồng Nai là kinh tế công nghiệp với hơn 32 khu công nghiệp đã được phê duyệt và đi vào hoạt động, là trung tâm của các khu công nghiệp trong cả nước góp phần tăng trưởng đáng kể cho nền kinh tế của quốc gia. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, kết nối với ba vùng Đông Nam bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên, chỉ cách Thành phố Hồ Chí Minh 30km, vì vậy Đồng Nai có nhiều lợi thế phát triển về kinh tế - xã hội, với

lịch sử hơn 310 năm đã tạo nên diện mạo văn hóa khá đặc thù của địa phương.

2. Quá trình hội nhập các nữ thần

Từ thực tế cuộc sống các cư dân Đồng Nai có đời sống tâm linh gắn với sinh hoạt kinh tế và xã hội, như: nông nghiệp, nghề thủ công truyền thống, thương nghiệp, ngư nghiệp, bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc...

Các dân tộc bản địa với kinh tế nông nghiệp là chủ yếu nên họ thờ thần Lúa (Mẹ Lúa) là nữ thần quản về ngũ cốc, lương thực cho đồng bào. Đây cũng là tín ngưỡng nguyên thủy của các cư dân nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á.

Người Việt đem theo truyền thống văn hóa từ quê hương xứ sở ở miền Bắc và miền Trung vào Nam bộ với tín ngưỡng đã được địa phương hóa, như: Mẹ Âu Cơ là quốc mẫu của các thế hệ cư dân người Việt, hai Bà Trưng, nữ tướng Triệu Thị Trinh, Bà Cố Hỷ là lớp bản địa của miền Bắc vào Nam bộ (có khi được cho là nữ thần cai quản núi rừng); tín ngưỡng thờ Mẫu (Tam phủ, Tứ phủ) được người Việt miền Bắc đưa vào phổ biến trong thế kỷ XX, trong đó bảo tồn nghi lễ dân gian với sinh hoạt lên đồng tại các cơ sở tín ngưỡng này. Tính địa phương của người Việt trong tín ngưỡng thờ nữ thần với Cô Bống Hiên (Phạm Thị Hiên) ở Vĩnh Cửu (miếu Bà Cô) được người địa phương sùng tín thời kỳ khai hoang lập ấp thế kỷ XVIII - XIX với huyền thoại *Tiền quân Lê Văn Lý* và *Cô Bống Hiên* trong *Biên Hòa sử lược* của Lương Văn Lựu. Hay Linh

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Sơn Thánh Mẫu và bà Chúa Xứ, là mẹ xứ sở của vùng đất Nam bộ cũng được thờ phổ biến ở Đồng Nai. Linh Sơn Thánh Mẫu không chỉ thờ trong đình miếu mà còn thờ ở hậu tổ chùa (chùa Sắc Tứ Hộ Quốc, chùa Bửu An, chùa Thiên Long, chùa Hoàng Ân...). Lê Sơn Thánh Mẫu của người Hoa cũng được Việt hóa thành Linh Sơn Thánh Mẫu (chùa Viên Quang, An Phước, Long Thành)...

Người Việt hội nhập tín ngưỡng thờ Đại Càn Tứ vị Thánh nương vốn là tín ngưỡng của cư dân miền biển Trung bộ có nguồn gốc Trung Quốc nhưng được thờ khá phổ biến ở Nam bộ. Tại Cửa Càn (xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) có đền thờ Tứ Đại Thánh Nương thờ Hoàng hậu và ba vị công chúa nhà Tống, sau được nhà Trần phong tặng là Đại Càn Tứ Thánh Nương vương. Lâu dần Đại Càn Tứ Thánh Nương vương trở thành nữ thần phù hộ cho người đi biển được các tàu đánh cá, tàu buôn người Việt và Hoa mang ngược ra miền Bắc; được thờ phổ biến ở vùng Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Hà Nam và xuôi vô miền biển phương Nam, thờ phổ biến ở vùng biển Tân An (Long An), Mỹ Tho (Tiền Giang), Rạch Giá (Kiên Giang)...

Quá trình hội nhập thần linh của người Việt với sự tiếp thu tín ngưỡng của người Hoa trở thành thần linh phổ biến trong dân gian là Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Thế Âm Bồ tát... là những vị nữ thần có khả năng bao trùm rộng rãi trong tín niệm về trời đất vũ trụ, rất gần gũi trong tâm linh người dân Nam bộ.

Người Hoa với truyền thống văn hóa thờ nữ thần phù hộ người đi biển là Thiên Hậu Thánh Mẫu, nữ thần đã phù hộ cho đoàn người Hoa vượt biển bình an đến với vùng đất mới Nam bộ. Ở Đồng Nai, người Hoa tín sùng vị nữ thần địa phương là Tiên Cơ nương nương, phu nhân của một vị quan nhà Thanh (Trung Quốc) sang Việt Nam sinh sống, lập nghiệp tại Bửu Long, Biên Hòa. Sau khi qua đời, hiển linh cứu người và được lập miếu thờ tại Bửu Long (miếu Bà Thánh). Ngoài ra, người Hoa còn thờ Quan Âm Bồ tát, Sơn Lâm bà bà, Địa Mẫu... tương đối phổ biến.

Bóng dáng của nữ thần người Chăm cũng được cư dân Đồng Nai thờ qua hình tượng bà Chúa Tiên, bà Chúa Ngọc, Thiên Y A Na chính là Poh Nagar là bà mẹ xứ sở (bộ tộc Cau) được xem như tiên giáng trần dạy dân làm ruộng, đánh cá, chăn tằm, kéo chỉ, dệt vải, chăn nuôi... Sau đó người Việt đã biến nữ thần Poh Nagar thành nữ thần Thiên Y A Na Răng (Dần) Bà Chúa Ngọc hoặc Thiên Y A Na Răng (Dần) Bà Chúa Xứ. Nữ thần Thiên Y A Na Răng là nữ thần hộ mạng của nữ giới, trong khi Bà Chúa Xứ là nữ thần đồng ruộng và vị thần đa năng của xứ sở Nam bộ.

Hay Chúa Ngung Man nương cũng là sự tích hợp của người Chăm và nữ thần Uma của Ấn Độ giáo. là vị nữ thần của các thổ dân cư ngụ vùng quê, khi cư dân khai phá đến đâu thì thờ vị chúa của bốn thổ là Chúa Ngung Man nương, cũng được xem như Chúa Xứ nương nương. Đôi khi Chúa Ngung Man nương là nữ thần được tích hợp

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

trong truyền thuyết về Man nương Phật Mẫu và Thạch Quang Phật trong Phật giáo Việt Nam.

3. Chức năng các nữ thần

Cư dân Đồng Nai tôn sùng các vị nữ thần, vì họ tin rằng các vị thần linh có những chức năng cai quản, phù hộ, che chở cho mọi mặt của cuộc sống của con người.

- Nữ thần ban phát của cải như Mẹ Lúa: các dân tộc bản địa Đồng Nai với kinh tế du canh du cư sản xuất lao động trên nương rẫy, đặc biệt trồng lúa là nguồn lương thực chính, vì vậy họ thờ Mẹ Lúa được xem như thần chính của nông nghiệp. Bàn thờ thần Lúa được thờ ở trong nhà và cả kho lúa.

- Nữ thần là chủ vùng đất, như: Chúa Xứ, Chúa Tiên, Chúa, Ngọc, Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúa Muồng, Địa Mẫu... Đây là những vị nữ thần được người dân địa phương tin sùng có nhiều chức năng như cai quản, phù hộ cho công việc đồng ruộng được thuận lợi hay ban phát của cải, con cái cho gia đình hoặc quán xuyến toàn bộ công việc ở vùng đất, xứ sở...

- Nữ thần có chức năng phù hộ về sinh sản, như: Kim Hoa nương nương, Bà Mụ Thai Sanh, Chủ Sanh nương nương... Những người Việt và người Hoa đều thờ cúng những nữ thần này nhằm phù hộ cho họ may mắn về đường con cái từ lúc mang thai, đến khi sanh đẻ và khi con trẻ đến tuổi vị thành niên. Bà Mụ được người Hoa thờ trong phòng ngủ với mục đích trẻ nhỏ được Bà Mụ che chở khỏe mạnh, hay ăn, mau lớn...

- Nữ thần bảo trợ cho nghề đi biển: Đại Càn Tứ vị Thánh nương, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thiên Y A Na... Đây là những vị thần phù hộ cho người đi biển, phù hộ cho đoàn tàu đánh cá, các tàu buôn trên biển được bình an. Cả người Việt và người Hoa đều thờ phổ biến các vị nữ thần này từ Bắc xuống Nam, như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Phú Yên, Khánh Hòa, Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang, Cà Mau...

- Nữ thần hộ quốc tỵ dân: Quan Thế Âm Bồ tát, Bà Cô Hỷ, Cửu Thiên Huyền Nữ, Tiên Cơ nương nương, Cô Bóng Hiên... Các vị nữ thần này có chức năng ban sự bình an, may mắn cho cộng đồng, phù hộ tai qua nạn khỏi, quốc gia bình yên, gia đình thịnh vượng. Quan Thế Âm Bồ tát được xem như nữ thần phù hộ cho quốc gia thịnh trị. Tiên Cơ nương nương, Cô Bóng Hiên là những nữ thần địa phương hóa mà người dân tin thờ với nhiều sự phù hộ an lành cho địa bàn, khu vực sinh sống.

- Nữ thần bảo trợ cho vũ trụ không gian: Ngũ Hành nương nương, Tam phủ, Tứ phủ... Đời sống tín ngưỡng dân gian bao gồm niềm tin của con người vào vạn vật, tất thảy đều linh thiêng. Không gian vũ trụ là một khối vĩnh hằng và tất cả đều có thần linh ngự trị. Ngũ hành gồm năm loại vật chất căn bản là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ là nguồn gốc của muôn vật tạo thành trời đất vũ trụ. Tín ngưỡng thờ Tam phủ, Tứ phủ cũng là những đối tượng về

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

tự nhiên gồm: trời, đất, rừng, nước... cũng là môi trường sống của con người.

- Nữ thần của vùng rừng núi: Sơn Lâm bà bà, Chúa Ngung Man nương, Mẫu Thượng Ngàn... là những vị nữ thần cai quản vùng rừng núi là không gian sống, là nơi che chở cho con người. Đặc biệt, vùng đất Nam bộ thuở mới khai khẩn còn hoang vu, dân cư thưa thớt, toàn rừng núi, lắm cộp nhiều beo “dưới sông sâu lội, trên rừng cộp um”. Chính vì vậy mà tín ngưỡng thờ Bà Chúa Sơn Lâm hay Chúa Thượng Ngàn rất được coi trọng và phổ biến.

4. Bài trí thờ cúng nữ thần

Điện thờ nữ thần ở Đồng Nai rất đa dạng, nếu là thần chính thì bài trí ở giữa chánh điện, còn nếu là đối tượng phối tự thì bài trí ở hai bên chánh điện, đặc biệt Linh Sơn Thánh Mẫu được bài trí ở hậu tổ một số chùa có niên đại xây dựng từ khoảng thế kỷ XVIII - XIX (chùa Sắc Tứ Hộ Quốc, chùa Bửu An, chùa Thiên Long, chùa Hoàng Ân...) theo qui cách xưa “tiền Phật. hậu Mẫu”.

4.1. Nữ thần thờ cơ sở tín ngưỡng

Tùy thuộc vào tên gọi của cơ sở tín ngưỡng mà ta có thể biết được đối tượng thờ chính hay được phối tự. Đối với những miếu Bà, thông thường đối tượng thờ chính là nữ thần, hoặc nếu là đền thờ Mẫu thì bài trí chính điện là hệ thống các Mẫu trong tín ngưỡng thờ Tam phủ, Tứ phủ.

- Tam phủ, Tứ phủ: những vị Thánh mẫu được thờ với qui cách là Tam phủ, Tứ phủ khá phổ biến trong tín ngưỡng

cộng đồng người Việt ở Đồng Nai. Tứ phủ bao gồm: Thiên phủ (miền trời) là Mẫu đệ nhất (Mẫu Thượng Thiên) cai quản bầu trời, làm chủ các quyền năng mây mưa, gió bão, sấm chớp. Nhạc phủ (miền rừng núi) là Mẫu đệ nhị (Mẫu Thượng Ngàn) trông coi miền rừng núi, ban phát của cải cho chúng sinh. Thủy phủ (miền sông nước) là Mẫu đệ tam (Mẫu Thủy, Mẫu Thoải) trị vì các miền sông nước, giúp ích cho nghề trồng lúa nước và ngư nghiệp. Địa phủ (miền đất) là Mẫu đệ tứ (Mẫu Địa) quản lý vùng đất đai, là nguồn gốc cho mọi sự sống. Điện thờ Tam phủ, Tứ phủ thường được bài trí Tam tòa Thánh Mẫu (phối tự Trần Hưng Đạo) với Cửu Thiên Thánh Mẫu, Liễu Hạnh công chúa, Chúa Sơn Lâm, Chúa Thượng Ngàn, Thủy Cung Thánh Mẫu, Cô Bé, Hoàng Bảy, Hoàng Ba, Cô Chín, Cô Bơ, Địa Mẫu Điều Trì, Mẫu Chúa Lục...

- Cửu Thiên Huyền Nữ: là Thần nữ thời xa xưa cai quản chín cõi trời là Quân Thiên, Thượng Thiên, Bồn Thiên, Huyền Thiên, U Thiên, Hiệu Thiên, Chu Thiên, Viêm Thiên và Dương Thiên. Cửu Thiên Huyền Nữ cũng còn gọi là Cửu Thiên nương nương. Huyền Nữ là thầy của Hoàng đế, là đệ tử của Thánh Hậu Nguyên Quân. Cửu Thiên Huyền Nữ là thần hộ mạng của nữ giới. Quyền năng của Cửu Thiên Huyền Nữ ngang bằng với trời đất. Cửu Thiên Huyền Nữ thường được thờ chính hoặc từng tự trong miếu hoặc trên bàn thờ của gia đình.

- Bà Chúa Xứ: Ngoài Bà Chúa Xứ là đối tượng thờ chính, miếu còn phối tự Quan Thánh Đế Quân và Cửu Huyền

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Thất tổ. Đôi khi chức năng của Bà Chúa Xứ thường được đồng nhất với Bà Ngũ hành; do vậy, có nơi miếu Ngũ Hành phối tự bà Chúa Xứ hoặc miếu bà Chúa Xứ và miếu Ngũ Hành ở liền kề nhau. Bà Chúa Xứ có khi được phối tự với Mẫu Thượng Ngàn hay Mẹ Sanh Mẹ Độ là những nữ thần có khả năng che chở cho vùng đất, cho dân làng.

- Thiên Hậu Thánh Mẫu: là đối tượng thờ của cả người Hoa và người Việt. Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị nữ thần phù hộ cho người đi biển và những người sống ở vùng sông nước. Những cơ sở tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu có tên gọi khá đa dạng, như: miếu, cung, tự. Thiên Hậu Thánh Mẫu thường được thờ dưới dạng cốt tượng hai bên có Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhĩ. Một số miếu thờ Thiên Hậu hai bên phối tự Kim Hoa Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân, cũng có miếu phối tự Cửu Thiên Huyền Nữ và Quan Thánh Đế Quân... Hoặc có miếu lại phối tự Quan Thánh Đế Quân và Ngũ Đỉnh Tiên sư là ông Tổ của nghề đá. Nhìn chung, Thiên Hậu Thánh Mẫu là nữ thần được thờ khá phổ biến của cả người Hoa và người Việt ở Đồng Nai. Có khoảng hơn 10 cơ sở tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Đồng Nai. Một số miếu của người Việt thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở giữa, hai bên phối tự Tả ban và Hữu ban.

- Quan Âm Bồ tát: tượng thờ Quan Âm Bồ tát bài trí giữa chánh điện Hộ Quốc miếu, hai bên phối tự Quan Thánh Đế Quân và Án Thủ công công. Đây là những vị thần linh trong tín ngưỡng người Hoa Hải Ninh (Hoa Nùng) di cư

vào Đồng Nai năm 1954. Quan Âm Bồ tát được xem như vị nữ thần bảo hộ cho quốc gia và cộng đồng.

- Tiên Cơ nương nương: còn gọi là Bà Thánh, gốc người Hẹ là phu nhân của một bậc văn thần Đô sát Ngự sử, giám khảo cuộc thi đòi vua Khang Hy (Trung Quốc). Thế kỷ XVII, bà cùng gia quyến sang Việt Nam sinh sống, lập nghiệp tại thôn Tân Lại, Bửu Long, Biên Hòa. Một ngày, bà bị cảm gió ngã bệnh rồi qua đời. Gia quyến an táng, liệm xác bà trong chiếc quan tài bằng gỗ cây huỳnh đàn. Mộ bà được chôn ở triền núi Long Ân (ở phía sau miếu thờ hiện nay). Sau khi chết, bà nhập đồng báo mộng cho nhiều người đến hái cây lá thuốc xung quanh khu vực mộ bà chữa được khỏi bệnh. Tin vào sự linh ứng của bà nên người ta lập miếu thờ Bà với tên gọi là miếu Bà Thánh hay miếu Nương Cơ tiên. Trong miếu có cốt tượng bà ở giữa chánh điện có hai đồng nữ, hai bên phối tự Phật Bà Quan Âm và cặp Thần tài - Thổ địa.

- Ngũ Hành nương nương: Ngũ Hành là năm loại vật chất căn bản, gồm: kim (kim loại), mộc (gỗ), thủy (nước), hỏa (lửa) và thổ (đất). Trong tâm thức dân gian, Ngũ hành được coi là gốc của muôn vật mà biểu tượng là Ngũ Hành nương nương, các vị nữ thần. Bởi vì phụ nữ bao giờ cũng biểu hiện cho sự phồn thịnh, sinh sôi nảy nở; thể hiện đúng đặc tính của Ngũ Hành là kết hợp với nhau, tương sinh, tương khắc để tạo nên vô vàn vật chất biến hóa. “Năm bà Ngũ Hành” với các tôn danh là: Thổ Đức Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi, Kim Đức Thánh Phi, Thủy Đức Thánh Phi

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

và Mộc Đức Thánh Phi được thờ trong các miếu Ngũ Hành còn gọi là miếu Bà, miếu Ngũ Hành nương nương... Dân gian tin rằng các Bà có những quyền năng nhất định đối với các nghề liên quan đến đất đai, cùi lửa, kim khí, nước nôi và cây gỗ. Ở Đồng Nai, Ngũ Hành nương nương được thờ trong các miếu nhỏ ở bên cạnh các cơ sở tín ngưỡng chính của người Hoa, như: đình, chùa với quy mô kiến trúc khá nhỏ gọn. Trong miếu có năm cột tượng bằng gốm sứ, đất nung hoặc xi măng bày ở giữa chánh điện. Trên các cột tượng, các bà được khoác áo choàng theo năm màu vàng (Thổ), đỏ (Hỏa), trắng (Kim), đen (Thủy), xanh (Mộc) tượng trưng cho các hành trong Ngũ hành.

- Sơn Lâm bà bà (Bà Chúa Sơn Lâm): là đối tượng thờ của các dân tộc Việt, Hoa, Tày, Nùng ở vùng trung du của tỉnh Đồng Nai. Miếu thờ Sơn Lâm bà bà là miếu thờ nữ thần rừng núi, vì các tộc người định cư ở vùng đất này vốn là các dân tộc thiểu số miền Bắc di cư vào Đồng Nai, khai phá vùng đất còn là rừng rậm hoang vu để làm rẫy. Do vậy, họ thờ Sơn Lâm bà bà như một biểu tượng niềm tin vào vị nữ chúa rừng núi che chở cho họ có được cuộc sống an lành ở quê hương mới. Sơn Lâm bà bà được bài trí ở chánh điện, hai bên phối tự Quan Thánh Đế Quân và Ngũ Hành nương nương. Một mặt là sự tích hợp tín ngưỡng Bà Chúa Sơn Lâm trong Tam tòa Tứ phủ (thờ Mẫu) của người Việt.

- Cô bóng Hiên: giữa thờ Cô bóng Hiên (bà Phạm Thị Hiên), hai bên thờ Tả ban, Hữu ban. Giai thoại về Cô bóng

Hiên như sau: Thời kỳ khai phá xứ Đồng Nai, có nạn giặc Man nổi lên trong vùng, triều đình sai một vị tướng đến dẹp giặc. Trước khi xuất quân, vị tướng gặp Cô bóng Hiên cho biết: “Tướng quân đánh trận này sẽ thắng nhưng lúc về ngài phải theo đường nhỏ chứ đừng đi đường lớn thì mới mong bảo toàn tính mạng”. Vị tướng không tin, còn cho điếm gờ xui xẻo nên sai quân chém đầu Cô bóng Hiên. Quả nhiên, trận ấy vị tướng đã đánh thắng trận, đoàn quân chiến thắng trở về trên con đường lớn nhưng bất ngờ bị một đám tàn quân giặc mai phục bắn chết vị tướng. Từ đó, dân làng tin và lập miếu thờ Cô bóng Hiên (miếu Bà Cô) ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu như là vị Chúa Xứ bảo hộ cho vùng đất.

Ngoài nữ thần thờ chánh điện, còn có nữ thần phối tự cùng với các thần linh khác như Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu Thánh Mẫu, hoặc chỉ là những ý niệm được thể hiện trong các bản văn cúng của đình, chùa. Những vị nữ thần được phối tự, như: Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Cô Hồng, cô Hạnh, Kim Hoa nương nương, Bà Chủ Thai Sanh, Mẹ Sanh, Mẹ Độ, Bà Mụ, Bà Chúa Mường, Địa Mẫu...

- Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Cô Hồng, Cô Hạnh: đa số các đình, miếu ở Đồng Nai phối thờ bà Chúa Tiên, Chúa Ngọc. Một số thờ Cô Hồng, Cô Hạnh là hai tiên nương theo hầu bà Chúa Xứ hay bà Ngũ Hành. Đây là biến tướng của Cậu Trài (tài), Cậu Quý buổi ban đầu. Riêng miếu Gò Chùa (Cầu Xéo, Long Thành) thờ Chúa Tiên nương nương ở chính

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

điện, hai bên phối thờ Tiên hiền Hậu hiền. Còn ở những miếu khác, đôi tượng thờ ít được bài trí cụ thể mà được thể hiện qua văn cúng, như: đình Bình Thạnh (Thanh Phú, Vĩnh Cửu), đình Tam Thiện (Phước Thái, Long Thành), đình Long Phước (Long Thành), đình An Hòa (Biên Hòa), miếu Bà Long Thọ (Nhơn Trạch), đình Phước Thọ (Nhơn Trạch)... Tín ngưỡng thờ Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Cô Hồng, Cô Hạnh... do ảnh hưởng từ tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Chăm ở vùng đất này.

- Kim Hoa Thánh Mẫu được phối tự trong các miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu cùng với Quan Thánh Đế Quân. Đôi khi Kim Hoa Thánh Mẫu lại được đồng nhất với Bà Chủ Thai Sanh, thế nhưng tại miếu Thiên Hậu (trong quần thể di tích Phụng Sơn tự - Biên Hòa) lại thấy thờ cả hai cốt tượng Kim Hoa Thánh Mẫu và Chủ Sanh nương nương. Kim Hoa Thánh Mẫu là vị nữ thần theo tín ngưỡng của người Việt ở Nam bộ chuyên trông coi việc sinh tạo con người, những gia đình hiếm muộn thường lễ bái cầu xin với vị nữ thần này. Có nơi còn bày thêm tượng ba vị Thánh sư (Tiên sư, Tổ sư, Thánh sư) tục gọi là ba Đức thầy, dân gian thường gọi là “12 Mụ bà và ba Đức thầy”.

- Linh Sơn Thánh Mẫu vốn là nữ thần núi Bà Đen ở Tây Ninh. Đây là một dạng tín ngưỡng có nguồn gốc đa tạp: Khmaur nữ thần giữ chùa của người Khmer (một biến dạng của nữ thần Kahli Bà La Môn) cộng với tín ngưỡng Lê Sơn Thánh Mẫu của người Hoa và được Việt hóa bằng thần tích

Lý Thị Thiên Hương ở thế kỷ XVIII. Có nhiều đình đưa Linh Sơn Thánh Mẫu vào tòng tự tả hữu thần Thành hoàng. Một số chùa xưa phối tự Linh Sơn Thánh Mẫu và Lê Sơn Thánh Mẫu ở hậu điện theo truyền thống “tiền Phật, hậu Mẫu”, như: chùa Sắc Tứ Hộ quốc (Biên Hòa), chùa Bửu An (Biên Hòa); gian chánh điện chùa Thiên Long, chùa Hoàng Ân (Biên Hòa)... Lê Sơn Thánh Mẫu thờ nơi chánh điện miếu Ngũ Hành tại Xóm Me (Bàu Xéo, Long Thành), phối tự ở chùa Linh Sơn (Xuân Trường, Xuân Lộc), chùa Viên Quang (An Phước, Long Thành).

- Địa Mẫu thường được phối tự trong các miếu thờ Quan Âm và chùa. Hình tượng Địa Mẫu là một phụ nữ tóc búi cao, vận áo đen, đứng trên quả địa cầu, giơ hai tay cứu độ. Theo *Địa Mẫu chơn kinh* thì vào ngày 9 tiết tháng giêng năm Quang Tự thứ 9, đời nhà Thanh ở Trung Quốc, tại phủ Hớn Trung, huyện Thành Cổ, tỉnh Thiểm Tây có Phật Địa Mẫu ngự chim loan giáng cơ bút truyền kinh. Tục thờ Địa Mẫu là một dạng tín ngưỡng cứu thế, xuất hiện ở Trung Quốc vào thế kỷ XIX, du nhập vào nước ta khoảng hơn một thế kỷ nay và phổ biến ở miền Nam từ sau năm 1975. Một số miếu Quan Âm thường phối tự Địa Mẫu ở chánh điện hoặc hậu điện.

4.2. Nữ thần thờ ở gia đình

- Thần Lúa (Mẹ Lúa): được các dân tộc bản địa thờ ở các kho lúa, hoặc trên bàn thờ nhang mỗi khi cúng Nhang Lúa mừng Lúa mới. Đối tượng thờ là những chùm bông

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

lúa cái (lúa rẫy) để dành trên một khoảnh rẫy. Vào ngày lễ cúng Lúa mới, những bông lúa cái này được người phụ nữ cắt đem về giắt lên bàn thờ Nhang và cả kho lúa để làm lễ cúng thần Lúa (Sa Yang Va).

- Quan Thế Âm Bồ tát (Phật Bà Quan Âm): được thờ ở bàn thờ chính của gia đình. Đối với gia đình người Hoa Hải Ninh thì bàn thờ chính giữa nhà luôn luôn có ba bát nhang tượng trưng cho Phật Bà Quan Âm, tổ tiên và Táo Quân.

- Bà Mụ: đối với gia đình người Hoa có trẻ nhỏ dưới 12 tuổi thường có bàn thờ Bà Mụ phía trên đầu giường nằm của trẻ trong phòng ngủ. Việc cúng Bà Mụ chính thức khi đưa trẻ đầy tháng tuổi. Khi đưa trẻ qua 12 tuổi thì bỏ bàn thờ Bà Mụ đi.

- Mẹ Sanh, Mẹ Độ: được người Việt thờ trên bàn thờ chung với Tổ tiên, ông bà. Thờ Mẹ Sanh, Mẹ Độ như là thần độ mạng cho cho cả gia đình, đặc biệt cho nữ giới tuổi sanh đẻ.

- Kim Hoa nương nương: được gia đình người Hoa thờ giống như Mẹ Sanh, Mẹ Độ của người Việt. Kim Hoa Thánh Mẫu còn gọi là Bà Chủ Thai Sanh chuyên phù trợ cho việc ban phát về đường con cái, sanh nở được mẹ tròn con vuông. trẻ con hay ăn mau lớn...

- Cửu Thiên Huyền Nữ: là vị nữ thần khá quen thuộc trong các gia đình người Việt và người Hoa, nhiều gia đình thờ Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng cho gia đình, đặc biệt phù hộ cho nữ giới.

5. Lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng thờ nữ thần

5.1. Lễ mừng Lúa mới

Lễ cúng lúa là một nghi lễ truyền thống, thiêng liêng của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và miền Đông Nam bộ. Mỗi dân tộc lại gọi tên lễ hội cúng thần Lúa khác nhau: người Choro gọi là Sa Yang Va, người Mạ gọi là Loh Yang Koi... Lễ ăn mừng Lúa mới là một trong những lễ hội không thể thiếu trong sinh hoạt nông nghiệp của các dân tộc bản địa. Lễ cúng lúa được tổ chức theo chu kỳ sinh trưởng cây lúa và đặc biệt là ăn mừng kết thúc mùa vụ thu hoạch xuất phát từ tín ngưỡng thờ thần Mẹ Lúa (thông thường vào tháng ba âm lịch). Lễ hội phản ánh ước mơ về một cuộc sống sản xuất nông nghiệp với lúa gạo là nguồn lương thực chủ yếu giúp cho đồng bào có đủ cái ăn, cái mặc không còn nghèo đói. Trong lễ cúng thần Lúa có những chi tiết, như: lễ rước hồn lúa do người phụ nữ làm chủ lễ ra cánh đồng lúa, chọn cắt lấy chùm “lúa cái” đem về cúng thần Lúa ở nhà. Đồng thời chặt hai cây chuối con, cắt chùm bông cau... đem về cúng lễ thể hiện việc sinh sôi nảy nở của con người và mùa màng thuận lợi (tín ngưỡng phồn thực) trong cuộc sống, trẻ em khỏe mạnh, khôn lớn...

Vào lễ chính thức, già làng cúng thần Lúa ở bàn thờ Yang và tại kho lúa với ước nguyện tạ ơn thần Lúa đã ban cho họ được một vụ mùa bội thu và năm sau thần Lúa lại tiếp tục phù hộ cho gia đình và cộng đồng có một mùa vụ lúa tốt tươi hơn năm cũ.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

5.2. Vía Bà Chúa Xứ

Ở các miếu Bà, Bà Chúa Xứ là đối tượng thờ khá phổ biến, có khi phối tự Quan Thánh Đế Quân và Cửu Huyền Thất tổ. Tại các miếu Ngũ Hành và đền thờ Mẫu, bà Chúa Xứ được phối tự với các thánh Mẫu và Ngũ Hành ở chánh điện. Hàng năm, miếu tổ chức lễ vía Bà Chúa Xứ vào 15 tháng 2 âm lịch, hoặc 16 tháng 3 âm lịch (tùy theo miếu) với nhiều nghi thức cổ truyền, thu hút khá nhiều bá tánh tham gia cúng bái. Lễ vía bà Chúa Xứ có tổ chức lễ múa bóng rỗi, dâng bông, dâng mâm, dâng rượu, chập Địa Nang... là phần nghi lễ thường thấy ở các miếu thờ Bà.

5.3. Cúng Mẫu và Bà Chúa Mùng

Vào ngày 3/3 âm lịch, tại các đền thờ Mẫu, đền thờ Trần Hưng Đạo và đền Bà Chúa Mùng thường tổ chức ngày vía Mẫu. Có nơi tổ chức vía Mẫu ngày 26/2 âm lịch, cúng Liễu Hạnh Công chúa ngày 3/3 âm lịch, cúng Chúa Lục ngày 20/9 âm lịch, lễ Đức thánh Trần Hưng Đạo vào ngày 20/8 âm lịch... Đây là một trong những nghi lễ thờ cúng các Thánh Mẫu trong tín ngưỡng thờ Tam phủ, Tứ phủ của người Việt. Lễ vật cúng tùy theo từng địa phương, có nơi cúng chay, có nơi cúng mặn. Thông thường nếu tổ chức nhỏ thì cúng chay, với hoa quả, nhang, đèn. Còn cúng lớn thì có thịt heo, gà, vịt, bánh trái, giấy vàng bạc...

Lễ nghi cúng Mẫu do Ban Quản trị đền Mẫu phụ trách, đôi khi có thể mời thầy cúng đến đọc sớ. Lần lượt thắp nhang các bàn thờ Mẫu, Trần Hưng Đạo và các bàn thờ

ông Hoàng, Cô, Cậu... trong đèn. Kết thúc đốt giấy vàng bạc hòa sở. Đặc biệt, đi kèm với lễ cúng Mẫu thường có sinh hoạt lên đồng ở một số cơ sở thờ Mẫu (đền Thủy Lâm Động, đền Cáp Rang, đền Quang Sơn, đền Cô Bơ, đền Linh Sơn Thánh Mẫu...).

5.4. Lễ vía Ngũ Hành nương nương

Ngũ Hành nương nương được vía vào các ngày 16/2 âm lịch, 16/3 âm lịch, 19/4 âm lịch hoặc 6/8 âm lịch... Hầu hết các miếu đều tổ chức hát bóng rối hay hầu bóng, múa hát Địa - Nàng. Không chỉ miếu Ngũ Hành mà tại các miếu thờ nữ thần của người Việt, như: Bà Chúa Xứ, Bà Thiên Hậu, Bà Cồ Hỷ, Bà Chúa Tiên... vào các dịp vía đáo lệ, bên cạnh các nghi lễ chính tại đình hoặc miếu thường có tổ chức nghi lễ bóng rối, Địa Nàng là những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng có nguồn gốc của người Chăm nhưng được người Việt tiếp nhận, cải biến và trở thành sinh hoạt nghi lễ không thể thiếu trong các lễ hội cúng Bà ở Nam bộ.

5.5. Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu

Vào ngày 23/3 âm lịch hàng năm, lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu được tổ chức tại Thiên Hậu cung, Thiên Hậu tự và Thiên Hậu cổ miếu. Đây là ngày vía chính của Bà Thiên Hậu là ngày bửu đàn (kỷ niệm ngày sinh) của Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Đối với những miếu thờ Thiên Hậu của người Việt thì lễ cúng rất đơn giản, chưng bông hoa, trái cây, thắp nhang là hoàn tất. Hoặc nếu tổ chức quy mô đáo lệ thì theo nghi lễ

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

cúng Bà ở Nam bộ, có sinh hoạt diễn xướng dân gian: múa mâm xôi, mâm vàng, hát Bông rồi - Địa Nàng, hát bội...

Đối với các miếu người Hoa thì lễ vía được tổ chức theo quy trình nghi lễ truyền thống Trung Hoa. Đại diện ba người trong Ban Trị sự miếu làm chánh tế, mỗi người cầm ba cây nhang lớn thắp trước bàn thờ Bà và các bàn thờ phối tự khăn vái với nội dung ca ngợi công đức của Bà, mong Bà và các thần phù hộ cho mọi người, mọi nhà sống yên vui, làm ăn phát đạt, bang hội đoàn kết tương thân tương ái.

Sau khi kết thúc phần khai lễ là phần hội đấu giá đèn lồng, số lượng thường là 9 cái, vì người Hoa quan niệm số 9 là con số tốt. Số tiền đấu giá đèn lồng được Ban Trị sự miếu đưa vào quỹ, kiến tạo cơ sở và làm kinh phí hoạt động cho miếu. Sau khi khai lễ, mọi người đến vía Bà, thường nhận của chùa 3 tấm giấy đỏ (12 x 25) cm trên có ghi dòng chữ Hán và đóng triện son: “Thánh Mẫu tọa trấn”, “Hợp gia bình an”, “Bảo hộ an khang”. Theo cách gọi của người Hoa, đây là hình thức “rước vía Bà” về nơi bàn thờ ở gia đình. Ngoài việc cúng lễ, còn có các tục lệ xin xăm, vay tiền thần... nay những tục lệ này đã giản lược đi khá nhiều.

5.6. Lễ cúng Bà Mụ, Kim Hoa Thánh Mẫu

Đối với một số gia đình người Việt và người Hoa có con nhỏ dưới 12 tuổi thường làm lễ cúng Bà Mụ. Đặc biệt, lễ cúng Mụ là lễ tục không thể thiếu trong các gia đình người Hoa có con nhỏ. Khi đứa trẻ đầy tháng tuổi, gia đình chuẩn

bị lễ vật để cúng Bà Mụ. cầu mong bà Mụ phù hộ cho con trẻ được ngoan ngoãn, hay ăn, mau lớn, tránh được các bệnh tật.

Ở các miếu người Hoa, Kim Hoa Thánh Mẫu vía ngày 14 tháng bảy âm lịch. Buổi sáng, những người trong Ban trị sự và đại diện bang hội người Hoa chuẩn bị những mâm lễ vật cúng Kim Hoa Thánh Mẫu trước bàn thờ. Lễ vật cúng là đồ mặn, như: thịt heo quay, cá chiên, cua luộc, trái cây, hoa tươi, giấy tiền vàng bạc... Nếu như cúng đơn giản thì lễ vật cúng có thể là đồ chay. Ban đại diện thắp nhang bàn thờ Kim Hoa Thánh Mẫu, nếu cúng nhỏ thì chỉ có người đại diện hoặc thủ miếu thắp nhang vía bàn thờ Nữ thần. Sau lễ vía, bà con thiện tín có thể vào thắp nhang trước bàn thờ Kim Hoa Thánh Mẫu. Vào ngày này, những phụ nữ muốn cầu xin về đường con cái hay giáo dục con cái đều đến vía Kim Hoa Thánh Mẫu.

5.7. Lễ vía Quan Âm Bồ tát

Quan Âm Bồ tát được thờ cúng nhiều lần trong một năm, ngoài những ngày lễ tết, Sóc (mùng một), Vọng (ngày rằm), các lễ cúng chính được tiến hành cố định theo vòng đời tu hành của Bồ tát, như: Quan Âm đàn sinh (ngày 19 tháng 2 âm lịch), Quan Âm nhập đạo (ngày 19 tháng 6 âm lịch) và Quan Âm đắc đạo (ngày 19 tháng 9 âm lịch). Các lễ cúng Quan Âm cơ bản giống nhau (chỉ khác về thời gian tổ chức) nhưng được tổ chức trọng thể nhất vào ngày Quan Âm đàn sinh 19 tháng 2 âm lịch.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Hàng năm, vào ngày 19 tháng 2 âm lịch, các miếu thờ Quan Âm tổ chức lễ vía sanh Quan Âm Bồ tát, đây là lễ cúng lớn nhất trong năm với mục đích cầu an đầu năm cho cộng đồng. Lễ vật cúng trên bàn thờ Phật Bà Quan Âm là đồ chay, còn các bàn thờ phối tự là đồ mặn. Sau ba tuần trà và ba tuần rượu, chủ tế bắt đầu đốt sớ kết thúc phần lễ, mọi người đứng sau thắp nhang lạy tạ. Dịp này, mọi người đến lễ Bồ tát rất đông, đặc biệt đối với nữ giới, vì họ quan niệm Quan Thế Âm Bồ tát cũng là vị nữ thần luôn có lòng từ bi, do đó rất phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của phụ nữ.

Sau phần lễ là phần lễ hội đấu giá hoặc thỉnh Phúc pháo và Liên Hoa đăng. Đây là sinh hoạt văn hóa rất tiêu biểu trong phần hội lễ cúng Quan Âm của cộng đồng Hoa Hải Ninh ở Đồng Nai. Số kinh phí đấu giá sẽ được Ban Trị sự miếu sử dụng vào chi phí tổ chức lễ, tu sửa miếu và đóng góp vào công trình phúc lợi xã hội, như: làm đường sá, cầu cống, xây sửa trường học...

5.8. Lễ Kỳ yên

Lễ Kỳ yên là dịp lễ hội lớn của người Việt cúng thần Thành hoàng bản cảnh và những vị thần khác thờ đình làng. Trong số đó có nhiều nữ thần phối tự, như: Chúa Ngung Man nương, Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương, Bà Chúa Xứ, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Cửu Thiên Huyền Nữ, Ngũ Hành nương nương, Linh Sơn Thánh Mẫu, Thiên Y A Na, Lê Sơn Thánh Mẫu, Bà Cố Hỷ, Bà Cố Lai, Cô Hồng, Cô Hạnh...

Hầu hết các đình làng người Việt ở Đồng Nai đều thờ cúng nhiều nữ thần kể trên, cụ thể các đình, như: đình Bình Trị (Hóa An, Biên Hòa), đình Tân Phú (tức đền thờ Trương Công Định) ở Bửu Hòa (Biên Hòa), đình Mỹ Khánh (tức đền thờ Nguyễn Tri Phương) ở Bửu Hòa (Biên Hòa), đình Bình Thiên (Biên Hòa), đình Tân Phong (Biên Hòa), đình An Hòa (Biên Hòa), đình Bình Minh (Bình Lợi, Vĩnh Cửu), đình Bình Thạnh (Thạnh Phú, Vĩnh Cửu), đình Phước Lộc (Long Thành), đình Long Phước (Long Thành), đình Tam Thiện (Phước Thái, Long Thành), đình Hiệp Phước (Nhơn Trạch), đình Phước Lai (Nhơn Trạch), đình Phước Thọ (Nhơn Trạch), đình Phước Thiên (Nhơn Trạch), đình Phú Mỹ (Nhơn Trạch), đình Dầu Giây (Thống Nhất), đình Xuân An (thị xã Long Khánh)...

Đình làng tổ chức lễ Kỳ yên vào mùa thu hoặc mùa xuân, nhưng đa phần vào dịp rằm của những tháng cuối năm âm lịch, hoặc là ngày kỵ của vị thần Thành hoàng làng. Lễ cúng Kỳ yên gồm ba lễ chính: Túc yết, Đàn cả (hay Đoàn cả) và Tiền hiền Hậu hiền. Ngoài ba lễ chính còn có lễ khác, như: Rước Sắc thần, Xây châu - đại bội, Đưa khách (Tông phong)... là những lễ thức phụng sự cho ba lễ chính. Tại các lễ Kỳ yên, trong văn cúng ngoài thần Thành hoàng bốn cảnh, đều cần báo Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương, Bà Chúa Xứ, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Thiên Y A Na, Cửu Thiên Huyền Nữ, Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngung Man nương, Linh Sơn Thánh Mẫu, Lê Sơn Thánh Mẫu, La Sát Thánh nương, A

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Nữ Chi Nữ, Kim Hoa Thánh Mẫu, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Bà Cố Hỷ, Bà Cố Lai, Cô Hồng, Cô Hạnh... cùng rất nhiều thần linh khác được phối tự trong đình làng. Tất cả những nghi thức dâng trà, rượu, lễ vật... đều được dâng cúng thần Thành hoàng bốn cảnh và những vị thần linh thờ trong đình trong đó phối tự nhiều Nữ thần được cư dân Nam bộ tín ngưỡng ở vùng đất này.

6. Bản sắc và giá trị văn hóa qua tín ngưỡng thờ nữ thần

- Nữ thần là đối tượng thờ phổ biến trong hệ thống tín ngưỡng dân gian của các dân tộc ở Đồng Nai. Miếu thờ Bà hay miếu thờ nữ thần khá phổ biến trong tín ngưỡng dân gian ở địa phương. Những miếu thờ Bà thường là những miếu có quy mô nhỏ gọn, được xây cất bên cạnh hoặc phía trước đình, chùa... Tuy nhiên, đối với những đền thờ Mẫu thì quy mô khá lớn, như: đền Thủy Lâm Động, đền Châu Bé, đền Mẫu Chúa Lục, đền Linh Sơn Thánh Mẫu, đền Bà Chúa Muồng, đền Lâm Sơn Đệ Nhất Chúa Bà...

- Tính chất các nữ thần bao gồm thần tự nhiên, nhân thần và cả bồ tát trong Phật giáo được người dân xem như thần linh rất gần gũi trong đời sống tâm linh. Đối với các dân tộc bản địa thì thần Lúa (hay Mẹ Lúa) được xem là nữ thần cai quản về cây lúa cũng như lĩnh vực kinh tế nông nghiệp có ảnh hưởng quan trọng trong đời sống dân gian của đồng bào.

- Chức năng của nữ thần khá đa dạng trong tín ngưỡng

dân gian, nữ thần đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ trong sinh hoạt tâm linh của cộng đồng xã hội. Từ việc sanh đẻ, nuôi dạy con cái, tới việc lao động sản xuất, chăm lo cái ăn, bảo trợ nghề nghiệp, cai quản rừng núi, đất đai, không gian vũ trụ...

- Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Đồng Nai thể hiện sự bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc đồng thời giao lưu tiếp biến những yếu tố văn hóa mới; vừa có nguồn gốc bản địa và văn hóa Việt (Bắc bộ và Trung bộ); vừa chịu ảnh hưởng của văn hóa Hoa, Chăm, Mường trên cơ sở kế thừa, bổ sung, cải biến những yếu tố văn hóa truyền thống, hình thành nên những nhân tố mới trong sinh hoạt tâm linh, phù hợp với đặc điểm của vùng đất mới làm phong phú cho bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư địa phương.

- Việc hội nhập nhiều thần linh trong tín ngưỡng thờ nữ thần thể hiện sự cộng cư, sống chan hòa của các dân tộc ở Đồng Nai. Thần linh dù có nguồn gốc có khác nhau nhưng đều được tiếp nhận, hội tụ và cải biến trở thành thần linh chung của cộng đồng, được nhiều dân tộc cùng nhau thờ phụng, cúng bái. Vừa bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc Việt, vừa tiếp thu những giá trị văn hóa mới, là sự thể hiện bản sắc và giá trị của tín ngưỡng thờ nữ thần Đồng Nai trong tiến trình hình thành, phát triển và hội nhập ở Nam bộ từ hơn ba thế kỷ qua.

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ KIẾN TRÚC TÍN NGƯỠNG NGƯỜI HOA

Người Hoa ở Đồng Nai có dân số đông thứ hai ở Việt Nam (sau Thành phố Hồ Chí Minh) với khoảng 106.632 người, chiếm tỉ lệ 5,2% dân số toàn tỉnh, đứng thứ hai sau người Việt ở địa phương (thống kê ngày 01/4/2009). Lịch sử nhập cư của người Hoa ở Đồng Nai gắn liền với lịch sử di dân của người Hoa vào Nam bộ cuối thế kỷ XVII, với sự kiện Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch di thần nhà Minh (Trung Hoa) đem 3000 quân xin chúa Nguyễn vào khai khẩn xứ Đàng Trong năm 1679. Nhóm theo Trần Thượng Xuyên định cư ở Cù Lao Phố; nhóm Dương Ngạn Địch định cư ở Mỹ Tho. Sau năm 1954, một nhóm người Hoa từ tỉnh Quảng Ninh di cư vào Bình Thuận rồi đến Đồng Nai lập nghiệp.

Từ thực tế cuộc sống, người Hoa ở Đồng Nai luôn gìn giữ một tinh thần bảo tồn văn hóa dân tộc. Người Hoa tôn sùng rất nhiều thần thánh (đa thần), vì họ tin rằng cứ sùng bái càng nhiều thì sẽ được các thần phù hộ. Đối tượng thờ tự trong cộng đồng người Hoa phổ biến, như: Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu Thánh

Mẫu, Quảng Trạch Tôn Vương, Quan Âm Bồ tát, Tam vị Tổ (Ngũ Đăng Tiên sư - Lỗ Ban Tiên sư - Uất Trì Tiên sư), Án Thủ công công, Tiên Cơ nương nương, Kim Hoa nương nương, Tài Bạch tinh quân, Phúc Đức chính thần, Môn thần, Thổ thần, tổ tiên (những người đã khuất)... Tín ngưỡng dân gian trong cộng đồng người Hoa phản ánh tâm tư nguyện vọng và những ước mong cho cuộc sống tốt đẹp, an bình và hạnh phúc trong đời sống xã hội.

Người Hoa ở Đồng Nai xây dựng nhiều công trình kiến trúc để thờ cúng thần linh, đây cũng là nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần rất phổ biến, đặc thù của cộng đồng. Đình, chùa, miếu vừa là nơi tín ngưỡng vừa là nơi sinh hoạt văn hóa xã hội của các bang, hội người Hoa.

Lịch sử xây dựng các đình, miếu người Hoa ở Đồng Nai từ khoảng thế kỷ XVII cho tới đầu thế kỷ XX. Một số ít được xây mới từ giữa thế kỷ XX cho đến trước năm 1975. Sau năm 1975, một vài cơ sở tín ngưỡng người Hoa (Phụng Sơn Tự, miếu Quan Đế) được nhà nước trưng dụng. Sau năm 1993, các cơ sở đã được hoàn trả và được trùng tu, tôn tạo đưa vào phục vụ tín ngưỡng dân gian trong cộng đồng địa phương. Ngoài chức năng là nơi thờ tự, sinh hoạt cộng đồng, các cơ sở tín ngưỡng này còn chứa đựng nhiều giá trị mỹ thuật, đặc biệt về kiến trúc và điêu khắc, nghệ thuật trang trí dân gian...

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

I. KHÁI QUÁT KIẾN TRÚC TÍN NGƯỠNG

Người Hoa ở Đồng Nai có nhiều loại hình kiến trúc tín ngưỡng phục vụ đời sống tâm linh. Những loại hình kiến trúc tín ngưỡng phổ biến, như: đình, miếu, cung, tự, nghĩa từ. Nhưng phổ biến nhất vẫn là “miếu”. Thành phố Biên Hòa là nơi tập trung hầu hết các loại hình kiến trúc tín ngưỡng của người Hoa ở Đồng Nai¹.

Bố cục kiến trúc tín ngưỡng người Hoa ở Đồng Nai gồm các kiểu chữ Nhất (一), chữ Tam (三), chữ Công (工), chữ Khẩu (口) và nội công ngoại quốc (國). Các hạng mục gồm có tiền điện, chánh điện, sân thiên tỉnh và hậu điện. Những chùa miếu người Hoa có diện tích lớn bao giờ cũng có sân thiên tỉnh (giếng trời) là nơi tạo ánh sáng, không gian thoáng đãng và đặc biệt là nơi để khói nhang đốt có thể bay lên cao không làm ngộp không gian chùa, miếu.

Các đình, miếu người Hoa thường có sân khá rộng, đây là nơi có thể làm sân lễ trang trí để tổ chức lễ hội với hàng trăm người tham dự. Vào các dịp lễ hội, sân miếu còn là nơi có thể dựng các sân khấu để mời các đoàn nghệ thuật về biểu diễn, múa lân sư rồng, múa võ hay tổ chức đấu giá đèn lồng. Trước sân miếu, nghĩa

¹ Toàn tỉnh Đồng Nai có hơn 60 cơ sở tín ngưỡng dân gian người Hoa. Tuy nhiên, loại hình kiến trúc tín ngưỡng tại thị xã Long Khánh và các huyện đa phần là miếu thờ Quan Âm và miếu Thổ thần của người Hoa Hải Ninh (Hoa Nùng) di cư sau năm 1954.

từ thường có bàn thờ Thiên Quan Tứ Phước, Thổ thần, Thổ địa và lư nhang (hoặc hòa lò) để đốt giấy vàng bạc.

Trên nóc tiền điện ở một số kiến trúc có quy mô lớn (đình Tân Lâm, Thất Phủ cổ miếu, Thiên Hậu cổ miếu) thường trang trí những quần thể tiểu tượng gốm nhỏ cao từ 30 - 50cm được chế tác bằng gốm Cây Mai và gốm mỹ nghệ Biên Hòa với các đề tài theo điển tích Trung Hoa, như: đánh cờ, bát tiên, ông Nhật bà Nguyệt, cá hóa long, lưỡng long tranh châu, lưỡng long châu nhật, phụng hàm thư, cá vượt vũ môn... tạo nên đặc trưng mỹ thuật cho kiến trúc tín ngưỡng người Hoa.

Một số miếu có niên đại xây dựng và trùng tu khoảng thế kỷ XIX ở Biên Hòa (Thiên Hậu cổ miếu, Thất Phủ cổ miếu) gian tiền điện và chánh điện còn được kết cấu bằng các hạng mục bằng đá xanh Bửu Long. Đây là sản phẩm nghề điêu khắc đá của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa. Những tác phẩm điêu khắc bằng đá từ các khuôn cửa, đồ, vách, cột đến phù điêu trang trí, tượng lân, sư tử, cuốn thư, kiếm, hộp, trái đào, phật thủ, thạch lựu, hoa mai, hoa phù dung, hoa mẫu đơn... rất sắc sảo và chắc chắn.

Chùa, miếu thường được sơn màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn, tốt lành trong tín ngưỡng người Hoa. Đây cũng là biểu tượng màu sắc đặc trưng trong văn hóa người Hoa.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

Chánh điện là nơi trang trọng nhất của cơ sở tín ngưỡng. Bên trong miếu thờ thần linh với các tượng thờ: Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thổ Sư, Trần Thượng Xuyên, Quảng Trạch Tôn vương, Quan Âm, bài vị tổ tiên, Án Thủ công công... Những đôi tượng thờ được tôn trí nơi các bàn thờ hoặc bệ thờ rất trang nghiêm. Ngoài ra, còn có các bàn hương án, lư lương, bình hoa, chân đèn... tạo nên không gian linh thiêng, ấm cúng nơi thờ tự.

Ngoài những đôi tượng thờ chính và phối tự được tôn trí bằng tượng tròn hoặc bài vị, thì gian chánh điện còn có các cột vuông, tròn treo những tấm liễn đối hoặc có những mảng bao lam chạm lõng bằng gỗ sơn son thếp vàng hết sức lõng lẩy và sắc sảo. Đối với những miếu xây dựng gần đây, bên trong chánh điện thường có hai long trụ bằng xi măng (cột tròn có rồng uốn quanh) tạo thêm mỹ thuật trang trí và chắc chắn cho kiến trúc.

Hai bên chánh điện còn có hai dãy hành lang tả hữu hai bên hoặc hậu điện thờ Hậu tổ, Tiền hiền, làm phòng họp của Ban trị sự miếu, nơi tiếp khách hoặc bán nhang đèn, giải xăm... Một số cơ sở dùng hậu điện làm nơi dạy tiếng Hoa.

Trên thực tế, có những cơ sở tín ngưỡng không hoàn toàn theo quy cách này nhưng tùy thuộc vào diện tích rộng hay hẹp mà có những thay đổi, giản lược hay bổ sung những chi tiết mới tạo thuận lợi cho sinh hoạt tín

ngưỡng của cộng đồng. Các di tích tín ngưỡng người Hoa vừa có giá trị nghệ thuật vừa có giá trị lịch sử - văn hóa, góp phần làm phong phú cho kiến trúc tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai.

II. NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ KIẾN TRÚC TÍN NGƯỠNG

Tại các đình, miếu của người Hoa ở Đồng Nai, từ ngoại thất đến nội thất của công trình, nơi đâu người ta cũng bắt gặp nghệ thuật chạm khắc và trang trí kiến trúc độc đáo. Từ những bức tường ngoài sân đình miếu, hệ mái kiến trúc đến các cánh cửa, vòm cửa, kèo cột, hoành phi, câu đối, bao lam, hương án... đều được chạm trổ những mảng đề tài miêu tả thiên nhiên, đất nước, con người Trung Hoa và Việt Nam. Nghệ thuật trang trí kiến trúc tại đình, miếu của người Hoa ở Đồng Nai rất phong phú và đa dạng, đó là sự kết hợp giữa văn hóa tín ngưỡng tôn giáo với cuộc sống hiện tại của người Hoa ở địa phương.

Nghệ thuật trang trí trên các kiến trúc tín ngưỡng người Hoa được thể hiện qua chất liệu, kỹ thuật, đề tài và màu sắc trang trí.

1. Chất liệu trang trí

Chất liệu sử dụng trong nghệ thuật trang trí đình, miếu người Hoa ở Đồng Nai rất đa dạng, như: đá, gỗ, đồng, gốm, thạch cao, xi măng... Người Hoa sử dụng những nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên như đá xanh

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

granít khai thác ở Bửu Long, gỗ khai thác từ rừng, sản phẩm gốm từ các lò gốm Cây Mai và gốm Biên Hòa, thạch cao hoặc xi măng để tạo nên những mảng trang trí đắp nổi hoặc phù điêu trên cổng và nóc mái, các bệ thờ trong chánh điện.

2. Kỹ thuật trang trí

Nghệ thuật trang trí kiến trúc tín ngưỡng thông qua các kỹ thuật, như: điêu khắc đá và gỗ, tạo hình đồ gốm, cân ghép sành sứ, đắp nổi xi măng, sơn màu trang trí.

*** *Điêu khắc***

Điêu khắc được sử dụng đối với những chất liệu là đá và gỗ. Chạm khắc trên đá là những mảng phù điêu khắc họa chi tiết một mặt làm nổi các họa tiết trang trí. Bên cạnh đó, chạm khắc đá và gỗ còn được tạo hình với những cột, vì kèo, đá tảng kê chân cột hay những tượng thờ (điêu khắc tượng tròn), bàn thờ, chân đèn, lư hương, bình bông... Đặc biệt, kỹ thuật chạm khắc được sử dụng trên gỗ là chạm bong, chạm lõng để tạo nên những mảng trang trí sáng tối theo những đề tài thể hiện. Chạm lõng được sử dụng rất phổ biến để trang trí những bao lam gỗ đầy mỹ thuật trước chánh điện trong các đình, miếu người Hoa.

Bao lam gỗ trang trí trong Thất Phủ cổ miếu được chạm khắc lõng với các đề tài: rồng châu mặt trời, tứ linh, hoa điều, cừu long, bát tiên, bách phước, múa hát cung đình, long vân, dây hoa lá, sóng nước... được sơn

son thếp vàng rất sắc sảo, mỹ thuật và lộng lẫy. Bên cạnh bao lam, còn có các cặp hoành phi liễn đối chữ Hán bằng gỗ sơn đen thếp vàng với hoa văn trang trí rất cổ kính.

*** Chế tác đồ gốm**

Đây là quy trình sản xuất đồ gốm từ tạo hình, trang trí, chám men và nung chín sản phẩm trên nguyên liệu đất sét dùng làm gốm. Đồ gốm được tạo hình với tượng thờ, tượng người, tượng thú, các mảnh khuôn hoa văn trang trí, các đồ thờ cúng, như: bình bông, bát nhang là chất liệu gốm, các mảnh gốm gắn trang trí trên đình, miếu xưa của người Hoa.

*** Cắt ghép mảnh sành sứ**

Nghệ thuật khảm sành sứ có cội nguồn từ đời sống bình dân, từ xa xưa người dân ở các làng quê đã dùng những mảnh sành sứ từ các bình gốm vỡ để trang trí khảm ghép. Kỹ thuật khảm sành sứ được sử dụng trong việc cắt các mảnh hoa văn, đề tài trang trí hình long mã của bình phong trước đình Tân Lâm.

*** Đắp nổi xi măng**

Nhiều hạng mục trang trí trên đình, chùa, miếu người Hoa ở Đồng Nai hiện nay được thực hiện bằng kỹ thuật đắp nổi xi măng vừa đẹp, vừa bền vững. Những sản phẩm thường thấy, như: phù điêu hay mảng trang trí đắp nổi lưỡng long châu nhật nguyệt, các hoa văn dây lá cúc cách điệu trên các gờ mái rất mỹ thuật và làm mềm mại cho kiến trúc đình, chùa, miếu.

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

*** Sơn màu**

Sơn được dùng để vẽ hoặc trang trí tạo những mảng màu làm thể hiện rõ những chi tiết trong đề tài trang trí tả thực. Sơn vẽ những bức họa trên tường, trên cánh công, cánh cửa chánh điện (hình vẽ Môn thần). Những loại sơn được sử dụng là sơn nước dùng sơn tường hoặc sơn dầu có ánh kim để tô điểm những bức họa trên tường, những bức phù điêu đắp nổi dưới chân các bệ thờ trong đình, miếu. Sơn còn được dùng để vẽ những họa tiết trang trí trên các đầu hồi bên hông chánh điện hoặc trên các đầu cột làm nổi các hình ảnh hoặc họa tiết trang trí.

3. Đề tài trang trí

Đặc trưng mỹ thuật đình, miếu người Hoa là ở các mảng trang trí với các đề tài cụ thể. Những chi tiết trang trí kiến trúc ban đầu trên các di tích thường là những đồ án cổ điển của Trung Hoa, như:

*** *Điện cổ Trung Quốc***

Gồm những họa tiết như bát tiên, bát bửu, long mã hà đồ, lưỡng long tranh châu, lưỡng long triều nhật; các tích truyện của Trung Quốc, như: *Tam quốc diễn nghĩa, bát tiên...* Trang trí mặt tiền của Thất Phủ cổ miếu là những bức tranh thể hiện điển tích văn hóa Trung Hoa, như: bát tiên, tùng hạc, cúc trĩ, giang sơn cầm tú. Dưới xà ngang chạm khắc nổi họa tiết dây lá nho và dây lá cúc cách điệu thể hiện sự kết hợp mỹ thuật Trung Hoa

và Việt Nam. Bên trong tiền điện với các bức tranh liên quan đến điển tích Tam quốc diễn nghĩa, như: *Đào viên kết nghĩa, Quan Công phò nhị tẩu, Quan Công tha Tào Tháo*. Toàn thể cụm trang trí trên nóc tiền mái được bố cục thành hai tầng: trên là cõ không với cá vượt vũ môn - cá hóa rồng - phụng hàm thư; còn dưới là cụm tiểu tượng cảnh sinh hoạt của con người. Trang trí mặt tiền Thiên Hậu cổ miếu là những tiểu tượng có nội dung rất phong phú thường là các điển tích Trung Quốc, như: lưỡng long tranh châu, kỳ lân, cảnh thiếu nữ gieo cầu, diễn võ đài, cảnh triều bái, rước xách, tiễn đưa, diễn hí - tấu nhạc, cảnh vinh quy, cảnh uống rượu đánh cờ, cảnh đề thơ ngâm vịnh, bát tiên cười mây lướt gió, cảnh thiên đình đang hội triều...

Nghi môn bằng gỗ chạm nổi điển tích Trung Quốc với những hình người ở nhiều lầu gác, đây là tác phẩm nghệ thuật được dòng họ Trương thỉnh từ Trung Quốc cúng cho miếu trên 200 năm.

*** *Linh vật, biểu tượng***

Côn thư, ống bút, kiếm quạt, bầu rượu, túi thơ, bình hoa là những linh vật và biểu tượng văn hóa của người Hoa. Hai bên đầu đao ở tầng dưới có hai tượng Ông Nhật và Bà Nguyệt là hai nhân vật nam và nữ đứng thẳng mỗi người tay cầm một chiếc gương tròn (có chữ Hán) giơ lên cao, bên trong chiếc gương của Ông Nhật là chữ “Nhật” (日) và Bà Nguyệt là chữ “Nguyệt” (月),

Đồng Nai - Nam bộ với văn hóa phương Đông

nếu ghép hai chữ này lại thành chữ “Minh” (明), ngụ ý hoài vọng về nhà Minh của nhóm người Hoa Minh Hương với lý tưởng “Bãi Mãn phục Minh”. Bên trong chánh điện chạm lộng những đề tài, như: tứ linh, lộc hỏ, mai điều, trúc tước, bầu rượu, lệnh kiếm, cuốn thư, tứ quý, cúc điều, long mã... mang đậm mỹ thuật truyền thống Trung Hoa. Các bệ thờ cũng được trang trí mỹ thuật có ý nghĩa. Dưới bệ thờ Phúc Đức chính thần là mảng phù điêu trang trí mô típ ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa như cá chép vàng tượng trưng cho sự dư thừa, phong phú và sung túc; biểu hiện của thần Tài, Phúc Đức chính thần. Dưới bệ thờ Mã Đầu tướng quân là phù điêu chặn giữ ngựa liên quan gần gũi với đối tượng tôn thờ. Dưới bệ thờ Quan Âm là hoa sen, biểu tượng của mỹ thuật Phật giáo.

** Thực vật*

Trang trí thực vật gồm quả đào, quả lựu, quả phật thủ, hoa cúc, hoa mẫu đơn... dần dần cũng thay đổi hoặc có thêm nhiều mô típ trang trí mới, gắn liền với thiên nhiên, con người, động thực vật của đất nước Việt Nam. Xen lẫn với những tiểu tượng là các khuôn trang trí đề tài: bình hoa, mai điều, trúc tước, hồ điệp, hoa văn dây lá cúc, quả lựu... Xen lẫn các tiểu tượng là các khuôn trang trí bình hoa mai, quả đào xung quanh có hoa văn dây lá cúc cách điệu rất mềm mại. Những họa tiết dây lá, hoa cúc, hoa điều... chạm trổ

lộng được sơn son thếp vàng rất lộng lẫy và rực rỡ trên nền cột tròn màu đỏ tạo nên nét đặc trưng cho miếu người Hoa.

Đặc biệt, mảng trang trí gồm trước mặt tiền và vẽ trang trí ở các đầu hồi còn có các đề tài trang trí là các loại thực vật, như: hoa mai loài hoa tiêu biểu vào mùa xuân ở Nam bộ, quả đào, dây lá cúc cách điệu, cây thông, hoa mẫu đơn, hoa sen... Những đề tài thực vật vừa là sự phản ánh các đề tài Trung Hoa nhưng đồng thời còn là sự kết hợp với các đề tài thiên nhiên ở Việt Nam.

**** Các loài động vật***

Những loài động vật, như: rồng, lân, phượng, hổ, cá hóa long... nằm trong “tứ linh” được trang trí với những màu sắc thâm trầm, cổ kính đặc sắc của gốm Cây Mai (Sài Gòn) và gốm mỹ nghệ Biên Hòa. Đôi xứng hai đầu đao là tượng lý ngư hóa long tượng trưng cho sự thành công, thịnh vượng. Ngoài cùng đầu nóc là tượng phụng hàm thư xòe cánh bay lên bên hoa phù dung... Bên trong tiền đình, trên các xà ngang và các đầu cột được chạm trổ các đề tài dơi, đào, hoa, lá biểu trưng cho phúc thọ, trường tồn. Các cột đá trước cửa chạm những bức liễn đối, bên trên trang trí con dơi biểu hiện sự phúc - tốt lành, may mắn.

**** Sinh hoạt văn hóa dân gian***

Những quần thể tiểu tượng trên bờ nóc và đỉnh mái